



**Con đường
Chúng ta đi**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

BẢNG THÀNH TÍCH NĂM 2019

20.470

TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

tại ngày 31/12/2019



2.191

TỶ ĐỒNG

SỐ DƯ TIỀN

tại ngày 31/12/2019



4.062

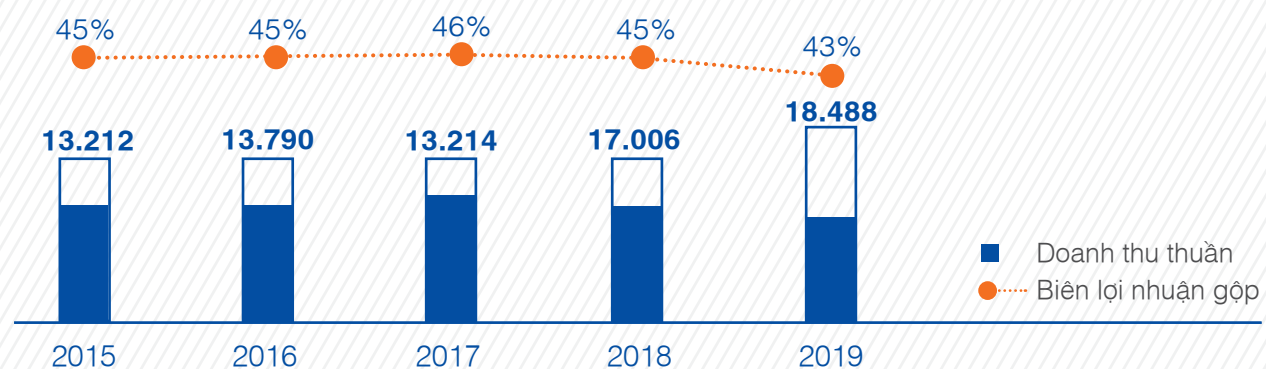
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

năm 2019



DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG) VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP (%)



MỤC LỤC

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER	04
DOING WELL BY DOING GOOD	14
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	24
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	42
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	106



CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER



Triết lý kinh doanh của Masan Consumer là
“Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam”

Masan Consumer (“Công ty”) là một trong những công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống hàng đầu Việt Nam và mới đây đã tham gia vào thị trường hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình. Triết lý kinh doanh của Masan Consumer là **“Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam”**. Chúng tôi luôn xem triết lý này là kim chỉ nam cho mọi hành động, luôn đặt người tiêu dùng làm trọng tâm. Từ đó, chúng tôi thực hiện giải pháp sáng tạo đột phá nhằm giải quyết nhu cầu hàng ngày, mang lại các sản phẩm chất lượng và giá cả hợp lý, đồng thời cũng đưa ra nhiều sản phẩm cao cấp để phục vụ người tiêu dùng Việt Nam khi Việt Nam đang ngày càng phát triển. Chúng tôi tin vào tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam, đồng thời các nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, phong cách sống và khẩu vị của người tiêu dùng cũng thay đổi. Chính niềm tin này đã theo chúng tôi trong hành trình phụng sự người tiêu dùng từ những ngày chập chững vào thị trường cho đến nay.

Chúng tôi cũng đã đặc biệt thành công khi phục vụ khu vực nông thôn, đó chính là nơi có gần 70% dân số Việt Nam đang sinh sống. Hàng ngày, một nửa chi tiêu của họ là dành cho các mặt hàng tiêu dùng cơ bản như thịt, thực phẩm và đồ uống, trong khi các sản phẩm mà họ sử dụng chưa chắc đảm bảo chất lượng. Chúng tôi muốn thay đổi thực trạng này và đáp ứng “các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn”

TẦM NHÌN 2022

Chúng tôi muốn trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh số, lợi nhuận và sự nhận biết thương hiệu;
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

của người tiêu dùng bằng những sản phẩm đáng tin cậy. Đây cũng là cơ hội lớn cho sự tăng trưởng kinh doanh cũng như tạo ra giá trị dài hạn cho mọi người.

Với bề dày lịch sử và những thành tích đã đạt được, chúng tôi hoàn toàn có thể tự tin về khả năng phụng sự các nhu cầu lớn của người tiêu dùng. Được thành lập từ năm 1996, Masan Consumer đã nhanh chóng giữ vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại thị trường nội địa sau khi chuyển mình từ mô hình thuần xuất khẩu. Đến nay, Masan Consumer đã trở thành một công ty thực phẩm và đồ uống có giá trị vốn hóa thị trường hàng tỷ đô la với danh mục các thương hiệu và sản phẩm đa dạng và đáng tin cậy. Sản phẩm của chúng tôi bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, thực phẩm tiện lợi, cháo, xúc xích, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng, nước uống đóng chai và các sản phẩm hóa mỹ phẩm - chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi cũng có mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam, và kết quả là có **98% hộ gia đình Việt Nam có ít nhất một sản phẩm của Masan** (Kantar Worldpanel).

Năm 2019, chúng tôi đã tiếp tục phát triển danh mục sản phẩm của mình theo tiêu chí tốt cho sức khỏe, có nhiều đột phá sáng tạo, sản phẩm chất lượng cao với các mức giá khác nhau phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

MỤC TIÊU 2022

- Masan Consumer có 12 nhãn hiệu đứng vị trí số 1 của các ngành hàng tiêu dùng khác nhau.
- Tốc độ phát triển trung bình của doanh thu trong giai đoạn 2020-2022 đạt 15%/năm.
- Là 1 trong 3 nơi làm việc được ưa thích nhất Việt Nam vào năm 2022.

HÀNH TRÌNH CỦA CHÚNG TÔI LÀ HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

Chiến lược thực thi đột phá

Chiến lược thực thi của chúng tôi là:

- Xây dựng các thương hiệu mạnh được người tiêu dùng yêu mến và tin cậy; là các nhãn hiệu được nhắc tới đầu tiên cho mỗi ngành hàng; là các nhãn hiệu dẫn dắt sự thay đổi của ngành hàng.
- Đưa ra các phát kiến hiệu quả, tung ra các sản phẩm mới, thiết yếu, phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Dự kiến trong năm 2020, chúng ta sẽ giới thiệu ra thị trường khoảng 40 phát kiến mới phục vụ người tiêu dùng;
- Đối với những ngành hàng mà chúng tôi đã dẫn đầu thị trường, chúng tôi khuyến khích người tiêu dùng sản phẩm phân khúc bình dân chuyển sang sử dụng các sản phẩm trung và cao cấp hơn thông qua những sáng kiến đổi mới giúp tăng giá trị sản phẩm;
- Mạnh mẽ đầu tư về công nghệ và con người để đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm theo kịp xu thế thị trường, thị hiếu người tiêu dùng - kịp thời giới thiệu những sản phẩm mới đến với mọi tầng lớp người tiêu dùng Việt Nam;
- Đẩy mạnh bao phủ và sự hiện diện sản phẩm trên toàn quốc thông qua hệ thống bán hàng. Xây dựng hệ thống phân phối của công ty thành biểu tượng sức mạnh hệ thống phân phối hàng tiêu dùng tại Việt Nam;
- Nêu cao **tôn chỉ 3A** (Affordability, Availability và Assurance of Quality), nghĩa là Giá cả hợp lý, Tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và Đảm bảo chất lượng. Thực hiện 2 trong 3 tôn chỉ này thì không quá khó khăn nhưng để thực hiện được cả 3 tôn chỉ này sẽ giúp cho Masan trở nên khác biệt;
- Đẩy mạnh ngành hàng đồ uống nhằm đạt được mục tiêu doanh thu phân bổ theo tỷ lệ 50% đóng góp từ đồ uống, 50% từ thực phẩm vào năm 2022; và
- Trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu và là nơi nuôi dưỡng và phát triển tài năng.

Chiến lược quản lý tài chính chặt chẽ

Chúng tôi áp dụng chiến lược tài chính chặt chẽ, cụ thể là:

- Chiến lược “Làm ít hơn nhưng phải lớn hơn”, nhằm tập trung vào một số các cơ hội đầu tư giúp cải thiện cuộc sống của nhiều người và bảo toàn nguồn lực nhằm đầu tư dài hạn.
- Tập trung vào các cơ hội đầu tư có thể mang lại biên lợi nhuận gộp 30%+, tạo điều kiện cho chúng tôi xây dựng thương hiệu mạnh và tạo ra những sản phẩm đột phá mang lại giá trị cho người tiêu dùng.
- Chiến lược tập trung tối ưu nguồn lực tài chính vào đầu tư xây dựng thương hiệu để mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp.
- Áp dụng mô hình “giao hàng thu tiền ngay”, cho phép chúng tôi tối ưu hóa vị thế vốn lưu động và hỗ trợ tăng trưởng.

NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ

Xây dựng Thương hiệu mạnh

Chúng tôi đã chuyển đổi nền tảng thực phẩm và đồ uống để trở thành công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động với các thương hiệu mạnh. Chúng tôi chọn cách tự phát triển hoặc mua lại các thương hiệu mạnh được khách hàng tin dùng, điều này nhất quán với chiến lược tập trung phục vụ các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng của chúng tôi. Nhờ đó, các sản phẩm gia vị và cà phê của chúng tôi đều là những sản phẩm dẫn đầu các thị trường. Trong khi đó, với ngành hàng mì ăn liền, chúng tôi chiếm vị trí số một trong phân khúc cao cấp. Ngành kinh doanh đồ uống của chúng tôi đang tăng trưởng nhanh nhờ vào thương hiệu mạnh trong phân khúc nước tăng lực

Chúng tôi đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng sự thấu hiểu sâu sắc người tiêu dùng Việt Nam, kết hợp với việc tiếp thu các mô hình hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, từ đó tạo nên các sản phẩm không có đối thủ. Trong thị trường mà giá cả là nhân tố chi phối hành vi tiêu dùng, chúng tôi tự hào khi có thể chuyển đổi các sản phẩm trước đây vốn được xem là hàng hoá thông thường, thành những thương hiệu mạnh, giành được sự tin yêu của người tiêu dùng ở các phân khúc khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer gồm Chin-Su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Heo Cao Bồi, Vinacafé, Wake-Up, Wake-Up 247, Compact Cherry, Vĩnh Hảo, Vivant, Lemona và Quang Hanh, trong đó có nhiều thương hiệu nhiều năm liền được bình chọn là nhãn hàng phát triển nhanh nhất và được nhiều người tiêu dùng Việt tin dùng nhất. Công ty liên kết của chúng tôi, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, được chúng tôi mua lại tỷ lệ cổ phần đáng kể vào cuối năm 2014, cũng có các thương hiệu nước chấm và gia vị nổi tiếng với sự hiện diện mạnh mẽ tại các kênh hàng quán. Nhìn chung, nhiều thương hiệu của chúng tôi là những mặt hàng bán chạy nhất trong các ngành hàng tương ứng và mới đây vào đầu năm 2020, với việc mua Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NETCO”), chúng tôi rất hào hứng bắt tay vào chiến lược xây dựng thương hiệu mạnh cho ngành hàng mới này.

Trong năm 2019, Masan Consumer tự hào đứng đầu “Top 10 Công ty thực phẩm uy tín” theo Vietnam Report. Ngoài ra, Masan Consumer tiếp

tục nằm trong Top 3 Nhà sản xuất sở hữu các thương hiệu được chọn mua nhiều nhất ở cả bốn vùng Thành thị và Nông thôn Việt Nam trong suốt 7 năm qua theo Bảng xếp hạng Brand Footprint của Kantar Worldpanel 2019.

Mảng kinh doanh cà phê của chúng tôi cũng giành được giải thưởng với Vinacafé Biên Hòa vinh hạnh là công ty có sản phẩm đạt “Thương hiệu quốc gia giai đoạn 2018-2020” do Hội Đồng Thương Hiệu Quốc Gia - Bộ Công Thương chứng nhận.

Tính đến cuối năm 2019, Masan Consumer sở hữu 5 thương hiệu với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, phản ánh khả năng xây dựng nên các thương hiệu mạnh trong các danh mục ngành hàng lớn.

Các thương hiệu có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng trong năm 2019



Sáng tạo đột phá – Chinh phục đỉnh cao

Mục đích phục vụ người tiêu dùng Việt Nam luôn là kim chỉ nam cho định hướng phát triển của Masan Consumer nói chung và của tập thể Masan R&D (Research & Development) nói riêng. Năm 2019 đội ngũ R&D đã hoàn thành xuất sắc việc giới thiệu ra thị trường hơn 30 phát kiến mới. Điều này một lần nữa khẳng định đam mê sáng tạo, chuyên môn cao và sự thấu hiểu sâu sắc về người tiêu dùng Việt Nam.

2019 là năm sự kiện của ngành thực phẩm tiện lợi của chúng tôi. Chúng tôi đưa ra nhiều phát kiến thúc đẩy xu hướng tiêu dùng mới và đón nhận các phản hồi tích cực. Hương vị món Phở, đặc trưng độc đáo của ẩm thực Việt, đã được chúng tôi gói trọn trong sản phẩm Phở ăn liền Chin-Su với thịt bò thật. Với sự am hiểu và chuyên môn sâu về ngành thịt chế biến, đã giúp chúng tôi áp dụng các công nghệ hiện đại để mang đến hương vị đậm đà nhất trong từng miếng thịt bò thật cùng với sợi phở tươi ngon của sản phẩm này, đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho nhịp sống bận rộn hiện nay nhưng vẫn có được những bữa ăn ngon và đủ chất. Bên cạnh đó, Omachi - nhãn hiệu cao cấp tiêu biểu của ngành hàng thực phẩm tiện lợi, cũng liên tục cho ra đời các phát kiến mới như mì khoai tây Omachi trộn sốt tôm phở mai trứng muối, mì Omachi sốt spaghetti trong tô giấy tiện lợi được giới trẻ đón nhận nồng nhiệt. Chúng tôi cũng phát triển các sản phẩm mới trong phân khúc chính của mình với việc giới thiệu sản phẩm mì Kokomi Đại tôm chua cay 90 gram trong gói mì to, ngon và giá thực sự hấp dẫn với khách hàng.

Gia vị luôn là ngành hàng mũi nhọn của công ty chúng tôi. Trong năm 2019, Masan Consumer tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trên thị trường. Dưới thương hiệu Chin-Su, trong năm qua chúng tôi đã cho ra đời nước mắm Cá cơm Mùa xuân với diện mạo chai thủy tinh đẳng cấp và nguồn nước mắm cốt tinh túy nhất được chọn lọc trong nguồn cốt ủ chượp công phu tại nhà máy Masan PQ trên đảo ngọc Phú Quốc. Bên cạnh đó, tương ớt Chin-Su tiếp tục là lá cờ đầu với việc khẳng định mạnh mẽ lòng tin của người tiêu dùng dành cho các thương hiệu mà chúng tôi mới giới thiệu vào thị trường Nhật Bản. Hạt nêm Chin-Su chiến binh mới với hương vị độc đáo, thơm ngon, rất phù hợp cho các món ăn gia đình và kênh hàng quán, nhà hàng, khách sạn đã nhận được sự đón nhận rất tích cực. Một con số đáng được ghi nhận là hạt nêm Chin-Su đã nhanh

chóng đạt được khoảng 11% thị phần sản lượng ngành chỉ trong vòng 1 năm kể từ khi được giới thiệu ra thị trường, có mặt trong Top 3 các thương hiệu hạt nêm hàng đầu năm 2019.

Lĩnh vực nước giải khát năm 2019 chứng kiến sự ra đời hàng loạt các nhãn hiệu mới của Masan Consumer với các sản phẩm có tính năng vượt trội, đáp ứng nhu cầu các nhóm người tiêu dùng khác nhau. Bên cạnh nước tăng lực hương vị cà phê Wake-Up 247 tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ thì nước tăng lực Compact Cherry, nước uống chứa khoáng thiên nhiên Vivant đã được đón nhận mạnh mẽ trên thị trường. Ngành hàng cà phê cũng tiếp nối thành công và cho ra đời sản phẩm cà phê hòa tan Wake-Up kem sữa dừa với hương vị độc đáo mới lạ, khẩu vị đặc biệt dành cho khu vực miền Tây Nam Bộ.

Chào đón 2020, chúng tôi tin tưởng sẽ là một năm thành công hơn nữa của Masan Consumer, trong đó R&D sẽ luôn là trụ cột dẫn dắt các phát kiến mới, tiếp tục hành trình chinh phục người tiêu dùng với những sản phẩm thực phẩm ngon, đủ dinh dưỡng, tiện lợi và giá cả hợp lý.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (tiếp theo)

Hiện diện muôn nơi cho tất cả mọi người

Masan Consumer vận hành một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam. Điều này mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể, như khả năng cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng một cách hiệu quả trong khi giảm được chi phí vận chuyển. Điều này rất quan trọng vì gần 70% dân số Việt Nam hiện sinh sống ở vùng nông thôn và ngành bán lẻ vẫn phụ thuộc chủ yếu vào kênh bán hàng truyền thống. Các kênh bán hàng hiện đại vẫn đang phát triển chậm và tình hình chung của ngành bán lẻ vẫn trong tình trạng phân tán và đang phải chuyển đổi nhu công ty thành viên của chúng tôi - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp VCM (“VCM”, đơn vị sở hữu hệ thống siêu thị Vinmart và các cửa hàng nhỏ Vinmart+).

Sau khi gia nhập ngành hàng đồ uống, chúng tôi đã tích hợp hệ thống phân phối của Vinh Hào và Vinacafé Biên Hòa vào hệ thống phân phối rộng lớn hơn của chúng tôi. Trong quá trình tích hợp, chúng tôi phát triển đội ngũ bán hàng chuyên biệt dành cho ngành hàng đồ uống, nhờ vậy, chúng tôi có thể tung sản phẩm mới ra thị trường một cách hiệu quả hơn, đồng thời giải quyết được các vấn đề phân phối đặc thù của mảng kinh doanh đồ uống.

Nhờ vậy, Masan Consumer hiện là một trong số ít các công ty ở Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối cho cả ngành thực phẩm lẫn đồ uống. Chúng tôi đã phát triển các điểm bán lẻ lên đến gần 180.000 cho sản phẩm thực phẩm và 160.000 cho sản phẩm đồ uống với gần 3.000 nhân viên bán hàng. Mạng lưới

rộng lớn này cho thấy sức mạnh của mạng lưới phân phối của chúng tôi ở vùng nông thôn, nơi chúng tôi có chiến lược bao phủ và tiếp cận thị trường mạnh mẽ nhất, và đồng thời giúp chúng tôi có được tốc độ tiếp cận thị trường nhanh hơn khi tung ra các sản phẩm mới và các chương trình khuyến mãi.

Với danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú, chúng tôi trở thành giải pháp “một đầu mối” cho gần 300 nhà phân phối khi có thể đáp ứng các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng Việt Nam, cho phép chúng tôi xây dựng mối quan hệ lâu dài và thân thiết với các nhà phân phối. Hơn nữa, 8 trung tâm phân phối của chúng tôi được đặt ở những địa điểm chiến lược có khả năng phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống trong ngày đến từng nhà phân phối trên toàn quốc. Điều này cũng mang lại cho chúng tôi khả năng độc đáo trong việc thử nghiệm các sản phẩm mới một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí trên khắp Việt Nam.

Với sự sáp nhập của VCM vào công ty mẹ MasanConsumerHoldings, chúng tôi không mong đợi nhận được bất kỳ lợi thế thương mại đặc biệt nào so với các công ty FMCG khác trên thị trường vì chúng tôi tin rằng điều quan trọng là sản phẩm của chúng tôi có thể tự mình đứng vững và chiến thắng. Tuy nhiên, ít nhất chúng tôi có thể đảm bảo sản phẩm của chúng tôi luôn có mặt tại tất cả các kênh phân phối, hiểu rõ hơn về người tiêu dùng để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn.



Nhà máy sản xuất đẳng cấp thế giới

Chúng tôi tin rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thu hút người tiêu dùng. Niềm tin này thúc đẩy Masan Consumer không ngừng nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất, duy trì lợi thế cạnh tranh đồng thời cung ứng những sản phẩm có chất lượng vượt trội cho người tiêu dùng Việt Nam.

Đến cuối năm 2019, chúng tôi hiện đang vận hành tổng cộng 13 nhà máy sản xuất ở các địa điểm chiến lược tại 10 tỉnh thành trên cả nước, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Phú Quốc, Hậu Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nghệ An, Hải Dương, Quảng Ninh. Những nhà máy này được xây dựng gần các trung tâm dân cư đã giúp chúng tôi thiết lập mạng lưới sản xuất và cung ứng sản phẩm kịp thời với thời gian nhanh nhất, chi phí rẻ nhất tới tay người tiêu dùng mà vẫn đáp ứng được tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nhằm đáp ứng sự tăng trưởng nhanh của ngành hàng nước giải khát, năm 2019, Masan Consumer tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất hoàn toàn tự động đặt tại Nhà máy Masan MB ở Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An, dây chuyền này có thể sản xuất sản phẩm nước ngọt có gas với công suất 36.000 chai/giờ. Và cũng là dây chuyền thứ 3 được đầu tư bổ sung cho ngành hàng này. Toàn bộ dây chuyền chế biến, đóng gói được thiết kế, chế tạo tại Đức & các quốc gia Châu Âu khác, đảm bảo tiêu chí “triệu chai như một” và đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người tiêu dùng.

Chúng tôi cũng đầu tư và khánh thành thêm một nhà máy nước uống đóng bình thứ 2 với công suất 1.200 bình/giờ tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần Bình Dương.

Trong năm 2019, chúng tôi đã tiến hành triển khai xây dựng thêm một nhà máy thực phẩm với quy mô

lớn trên diện tích 10 hecta tại Khu Công Nghiệp Nam Sông Hậu, tỉnh Hậu Giang. Tại nhà máy này, chúng tôi cũng đầu tư một dây chuyền sản xuất nước ngọt có gas với công suất 36.000 chai/giờ để đáp ứng cho sự tăng trưởng của ngành hàng nước giải khát. Ngoài ra, nhà máy này cũng có thể sản xuất tới đa 7 triệu lít nước nắm cốt/năm nhằm đáp ứng hơn 50% nhu cầu trong nước của ngành hàng gia vị. Đây là bước đi chiến lược trong việc đảm bảo an toàn nguồn cung thiết yếu của nguyên liệu đầu vào.

Với sự phát triển và mở rộng danh mục sản phẩm trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi, trong năm 2019, chúng tôi đã đầu tư nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị tại các nhà máy. Đây là nỗ lực để chúng tôi giới thiệu các sản phẩm mới, bao gồm các sản phẩm mì ly, mì tô, mì Kokomi Đại với tổng công suất lên đến 750 triệu gói/năm. Đây sẽ là các sản phẩm dẫn đầu xu thế ẩm thực tiện dụng trong tương lai.

Các sản phẩm thịt chế biến không chỉ quan trọng trong chiến lược hoàn thiện chuỗi 3F (Feed - Farm - Food) của Tập đoàn Masan với mục tiêu thay đổi thị trường đậm đặc vật chưa có thương hiệu thành có thương hiệu trong chuỗi 3F mà còn hoàn thành mục tiêu “chiếm trọn nhà bếp”. Với khả năng sản xuất thịt chế biến chúng tôi có thể hỗ trợ cao cấp hóa ngành thực phẩm tiện lợi với các sản phẩm cao cấp là bữa ăn hoàn thiện với thịt thật được đưa vào sản phẩm. Năm 2019, Masan Consumer chính thức khánh thành và đưa vào sử dụng một trong những nhà máy thịt chế biến tiên tiến bậc nhất thế giới với các thiết bị được nhập khẩu từ Liên minh Châu Âu và đội ngũ chuyên gia là đối tác chiến lược của chúng tôi, công ty Jinju Ham của Hàn Quốc. Nhà máy được thiết kế với công suất (giai đoạn 1) là 31.500 tấn/năm tại Bình Dương. Đây là nhà máy sản xuất thịt chế biến có quy mô lớn, hiện đại với các thiết bị sản xuất được tự động hóa cao nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt đối với các sản phẩm ngành thịt chế biến.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (tiếp theo)



Đội ngũ nhân sự “Đặt người tiêu dùng làm trọng tâm”

Masan Consumer được lãnh đạo bởi các chuyên gia tài năng trong và ngoài nước, đã từng có thành tích trong việc xây dựng nền tảng kinh doanh bền vững và các thương hiệu mang tính biểu tượng tại các thị trường mới nổi. Nhiều lãnh đạo của chúng tôi cũng đồng thời là các cổ đông ủng hộ văn hóa doanh nhân với tinh thần “nói được làm được”. Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, Masan nỗ lực hết mình để trở thành nơi làm việc được yêu thích nhất Việt Nam, xây dựng văn hóa đam mê phụng sự người tiêu dùng và đặt người tiêu dùng làm trọng tâm.

Chúng tôi tin rằng tài sản quý giá nhất chính là con người. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xứng đáng. Chúng tôi tự hào là một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, có tầm nhìn dài hạn nhằm thu hút những tài năng và là nơi làm việc khiến mọi nhân viên có thể xây đắp tương lai của họ. Sứ mệnh của chúng tôi không chỉ là cải thiện cuộc sống của người tiêu dùng mà còn xây dựng và phát triển thể hệ doanh nhân lãnh đạo tiếp theo. Để làm được điều này, Bộ phận Nhân sự của chúng tôi tập trung vào bốn lĩnh vực:

- 1 Xây dựng đội ngũ nhân sự mạnh và chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của Công ty tại thời điểm hiện tại và trong tương lai;
- 2 Xây dựng chiến lược khen thưởng, đảm bảo sự nhất quán giữa mức thưởng với thành tích làm việc và cơ hội phát triển lâu dài. Chúng tôi muốn mọi nhân viên đóng góp vào thành công của Công ty sẽ nhận được thành quả tài chính tương xứng. Đó là lý do tại sao chúng tôi cam kết tạo mọi cơ hội cho mỗi cá nhân có điều kiện được đầu tư cho tương lai của mình;
- 3 Xây dựng Hệ thống Quản trị Nhân sự đơn giản, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao. Thông qua đó giúp nhân viên có thể tối ưu hóa năng lực và tiềm năng cá nhân, tập trung cho các hoạt động phát triển Công ty;
- 4 Xây dựng văn hóa chiến thắng để các nhân tài có thể cùng nhau thành công khi phát triển năng lực lãnh đạo cũng như tinh thần chiến thắng.



Masan Consumer cam kết trở thành nơi làm việc mà các tài năng luôn được nồng nhiệt chào đón và tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Từ đó, Masan Consumer sẽ đạt được mục tiêu lâu dài một cách bền vững.

Năm 2019, Bộ phận Nhân sự đã đạt được những bước tiến sau:

- ♦ Hoàn thiện và đạt kết quả tốt với mô hình “HR chuyên môn” và “HR phụ trách riêng cho từng bộ phận phòng ban” và đội ngũ nhân sự thực sự hiểu biết và chia sẻ cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ♦ Áp dụng hiệu quả quy trình “Đánh giá hiệu quả công việc” đồng nhất trong tất cả các phòng ban và công ty thành viên. Đã có 4.418 nhân viên trong toàn Công ty tham gia hoạt động “Đánh giá hiệu quả công việc” trong năm 2019 vừa qua;
- ♦ Tiếp tục tiến hành các hoạt động thu hút nhân tài từ bên ngoài, tạo cơ hội việc làm cho người lao động; trong đó nổi bật có 40 nhân sự ở cấp quản lý từ các doanh nghiệp nổi tiếng khác trong thị trường (kể cả đa quốc gia và trong nước). Bên cạnh đó, chương trình “Doanh nhân trẻ Masan” tiếp tục được duy trì bằng việc tuyển dụng 12 nhân viên trẻ, có tiềm năng cao để đào tạo và phát triển cho đội ngũ lãnh đạo trong tương lai;
- ♦ Tiến hành việc đánh giá đội ngũ nhân viên và tìm ra hơn 110 nhân tài nội bộ. Công ty đã thiết kế chương trình đào tạo, phát triển và nuôi dưỡng đội ngũ nhân tài này theo mô hình 70-20-10 để đảm bảo việc đào tạo đội ngũ kế cận và kế hoạch kế thừa cho các vị trí trọng yếu; Việc áp dụng mô hình trên đã tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên ngoài việc được trang bị các kỹ năng chuyên môn, còn được chia sẻ kinh nghiệm từ các quản lý trực tiếp cũng như cọ xát thực tế công việc. Trong năm 2019, đã có 255 nhân viên được đề bạt đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra.
- ♦ Với chương trình “Kết nối với các trường Đại học”, chúng tôi sử dụng hiệu quả chi phí quảng bá tuyển dụng, đánh giá được khả năng, năng lực, phẩm chất của sinh viên. Từ đó, Masan có thêm cơ hội quảng bá thương hiệu, hình ảnh và sớm tiếp nhận những thông tin về khoa học, công nghệ để có thể đặt hàng các đề tài nghiên cứu khoa học có chất lượng và thiết thực từ nhà trường nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm 2019, chúng tôi đã mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với 11 trường Đại học danh tiếng của Việt Nam. Trong đó, có 8 hoạt động được liên kết tổ chức với các trường Đại học;
- ♦ Mong muốn góp phần đào tạo và phát triển thế hệ lãnh đạo trẻ của Việt Nam trong tương lai. Trong năm 2019, Masan đã tổ chức 4 buổi “Career Talk – Định hướng nghề nghiệp” dành cho các sinh viên năm cuối đại học ngay tại trụ sở Công ty. Trong chương trình các quản lý cấp cao của Công ty theo từng phòng ban với những chủ đề khác nhau đã chia sẻ, định hướng cho hơn 400 lượt sinh viên về những kiến thức chuyên môn và cả những trải nghiệm từ thực tế làm việc trong một môi trường năng động và phát triển như Masan;
- ♦ Năm 2019, chúng tôi tổ chức 198 khóa huấn luyện chuyên biệt với giáo trình được biên soạn gắn liền với thực tiễn và nhu cầu kinh doanh của Masan. Đã có gần 5.314 lượt học viên là lãnh đạo cao cấp, nhân tài và nhân viên thuộc tất cả các công ty trực thuộc Masan Consumer tham dự. Ngoài ra, Công ty đã tổ chức 26 buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm đề cập đến kiến thức tổng quát, kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ.
- ♦ Đẩy mạnh văn hóa chia sẻ kiến thức kinh nghiệm trong nội bộ, chúng tôi đã tăng cường đào tạo 2 khóa “Train the Trainer” với hơn 30 nhân viên được lựa chọn tham gia. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung cho các chương trình phát triển nhân viên nhằm xây dựng nên một đội ngũ kế thừa tiềm năng, giàu tinh thần quả cảm, tự tin để đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng được giao.

DOING WELL BY DOING GOOD

Masan Consumer là một trong những doanh nghiệp FMCG hàng đầu tại Việt Nam. Cam kết của chúng tôi là hàng ngày, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt với các sản phẩm giá cả hợp lý và có mặt tại mọi nơi.

Trên tinh thần đó, chúng tôi đã phấn đấu để trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững với mục tiêu đảm bảo các đối tác đều nhận được lợi ích từ hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Cũng như đối với các công ty khác của Tập đoàn Masan, công ty mẹ của chúng tôi, Masan Consumer cũng xác định phát triển bền vững là một phần không thể thiếu trong chiến lược của chúng tôi. Chúng tôi không những mang đến những nhu yếu phẩm mang lại giá trị cho người tiêu dùng mà còn đóng góp vào việc phát triển xã hội và bảo tồn môi trường.



PHÁT KIẾN MỚI

Sản phẩm đột phá

Chúng tôi tin “Doing well by doing good” chính là tôn chỉ thúc đẩy những con người có chung niềm tin theo đuổi sứ mệnh của mình. Tại Masan, “doing good” không chỉ đơn thuần là làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), mà là trách nhiệm của chúng tôi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt thông qua các sản phẩm và sáng kiến độc đáo.

Chúng tôi thường trăn trở: “Làm sao để người tiêu dùng Việt Nam chỉ phải trả một nửa chi phí cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày? Làm sao trẻ em vùng nông thôn được thưởng thức những sản phẩm tiện lợi đầy đủ dinh dưỡng như bạn bè trang lứa nơi thành thị? Làm sao để thu hẹp khoảng cách về năng suất và chất lượng sản phẩm của Việt Nam với thế giới?”

Để tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó, chúng tôi đã không ngừng thách thức bản thân để mang đến những gì tốt nhất cho người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đột phá thành công trên thị trường. Chúng tôi phát triển sản phẩm với quy mô lớn để mang lại giá thành hợp lý cho người tiêu dùng trong tất cả mọi phân khúc sản phẩm và đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ mới.

Vui lòng xem thêm phần “Sáng tạo đột phá – Chinh phục đỉnh cao” để có thêm thông tin chi tiết.

Quản trị thu mua

Nguyên liệu sản xuất chính của chúng tôi là những nguyên liệu thực phẩm và bao bì đóng gói. Các nguyên liệu chính được sử dụng trong sản xuất của chúng tôi bao gồm bột mì, dầu ăn, cà phê, đường, nước mắm cốt, cá cơm, thịt tươi, rau củ quả tươi, rau củ sấy khô, đậu nành, nước khoáng, các hương liệu và các loại gia vị khác nhau. Ngoài ra, các vật liệu đóng gói như chai nhựa, thủy tinh, thùng carton, nhãn giấy, tờ/cốc giấy, túi nhựa cũng là các thành phần quan trọng trong chi phí sản xuất sản phẩm của chúng tôi.

Chi phí nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu trong những năm qua chiếm khoảng 70% tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng. Nhằm đảm bảo truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, chúng tôi có đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ, phân tích, kiểm dịch nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật không biến đổi gene; các nhà cung cấp trong nước cần có hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động vật và các phương pháp canh tác nông nghiệp tốt. Các nhà cung cấp đạt chất lượng trong thời gian dài sẽ được đánh giá là “nhà cung cấp đã được phê duyệt” và sẽ được cam kết hợp tác theo hợp đồng hàng năm.

Chúng tôi tin rằng chúng tôi có một hệ thống các đối tác, nhà cung cấp đa dạng đảm bảo cho chúng tôi không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp nào theo yêu cầu của mình. Chất lượng và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định là yếu tố bắt buộc để chúng tôi có thể mang đến các sản phẩm có chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Đây là một thách thức và cũng là trách nhiệm của Công ty và chúng tôi chỉ có thể đạt được kết quả tốt nhất khi tạo được mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp theo nguyên tắc “cùng nhau chiến thắng” (“win-win”).

An toàn lao động

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của chúng tôi. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả. Chúng tôi chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Chúng tôi cũng thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ nhân viên về các hành vi phù hợp an toàn lao động cho bản thân và cho người khác, và áp dụng kiến thức này trong cuộc sống hàng ngày.

Trong năm 2019, chúng tôi đã tổ chức 108.362 giờ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu... cho hơn 5.685 lượt nhân viên. Bên cạnh huấn luyện nâng cao tri thức, các nhà máy của chúng tôi đã cải tiến nâng cấp thiết bị truyền động làm giảm tối đa nguy cơ mất an toàn cho tất cả các nhân viên.

Các nhà máy của chúng tôi đạt các tiêu chuẩn về sản xuất HACCP, ISO 9001 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 22000 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm) và SA8000 (Chúng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội), BRC, FSSC, HALAL, ISO 14001, ISO 45001 (Chúng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe người lao động).

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)



Chúng tôi cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời đào tạo và truyền cảm hứng để họ cảm thấy tự hào khi là một thành viên của cộng đồng Masan.

Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công.

BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC

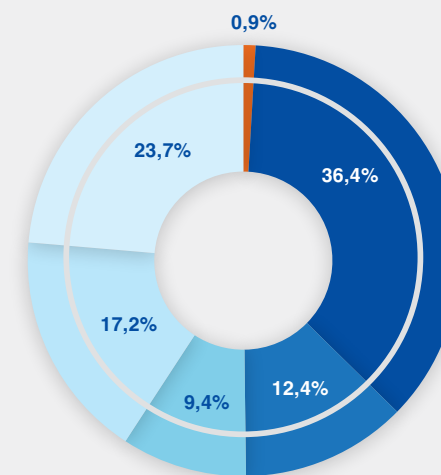
Những thành tựu của Masan đều được tạo nên từ tài sản quý giá nhất của Công ty – Nguồn nhân lực. Vì lẽ đó, chúng tôi cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời đào tạo và truyền cảm hứng để họ cảm thấy tự hào khi là một thành viên của cộng đồng Masan. Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công.

Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công.

Với mục tiêu đó, chúng tôi tự hào trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người Việt Nam, bên cạnh sứ mệnh phụng sự người tiêu dùng, còn hướng đến những nhân viên nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi tạo ra môi trường lao động hấp dẫn, tạo cơ hội việc làm, đóng góp vào sự phát triển chung về an sinh xã hội tại các địa phương nơi riêng và cả nước nói chung.

Tính đến hết ngày 31/12/2019, Masan Consumer có 4.596 cán bộ công nhân viên, gồm 2.954 nam (64%) và 1.642 nữ (36%) và đội ngũ này được đào tạo bài bản và có trình độ chuyên môn cao.

Tình hình nhân sự của Masan Consumer phân theo trình độ như sau:



Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên Đại học	42	0,9%
Đại học	1.675	36,4%
Cao đẳng	572	12,4%
Trung cấp	432	9,4%
PTTH	788	17,2%
PTCS	1.087	23,7%

Ghi chú: Tỷ lệ nhân viên có trình độ học vấn từ Trung cấp trở xuống phần lớn bao gồm lao động trực tiếp của các nhà máy, kho hàng, lái xe, tạp vụ.

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC (tiếp theo)



Nhằm tạo điều kiện phát triển cho địa phương, chính sách nhân sự của chúng tôi luôn ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương và **thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân sự để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của ngành.**



Hiện tại, chúng tôi có 13 nhà máy tại 10 tỉnh thành trên cả nước, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Quốc, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, Nghệ An, Hải Dương, Hậu Giang và Quảng Ninh. Nhằm tạo điều kiện phát triển cho địa phương, chính sách nhân sự của chúng tôi luôn ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương và thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân sự để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của ngành.

Chính sách nhân sự của chúng tôi tuân thủ các quy định trong Bộ Luật Lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên:

♦ **Chế độ làm việc & đảm bảo việc làm:** Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Masan Consumer tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp. Để giải quyết việc làm cho gần 4.600 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hoá ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh;

- ♦ **Nghỉ phép, lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc đủ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm;
- ♦ **Điều kiện làm việc:** Các văn phòng của Masan Consumer được thường xuyên mở rộng và nâng cấp với trang thiết bị hiện đại và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện cho tất cả nhân viên để khuyến khích năng suất và sáng tạo;
- ♦ **Chế độ lương:** Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Masan thực hiện xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV;
- ♦ **Chế độ thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực hàng năm cho cá nhân và khen thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Công ty thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời cho việc đóng góp tạo ra giá trị, nâng cao hiệu quả trong công việc, phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty. Công ty đã ban hành chính sách thưởng bằng cổ phiếu cho các cá nhân xuất sắc, có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh;
- ♦ **Bảo hiểm và phúc lợi:** Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Với CBCNV cấp chuyên viên trở lên, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm sức khoẻ nhằm chăm sóc sức khoẻ của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất một lần và tổ chức các chuyến du lịch nước ngoài dành cho các nhân viên đạt giải thưởng Chairman Awards trong cùng năm đó;

♦ **Chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực:** Chúng tôi áp dụng các chính sách tốt nhất giúp Công ty luôn thu hút và giữ được các nhân sự.

1 Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Tuy vậy, tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, năng lực, tinh thần làm chủ, học hỏi, sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng lãnh đạo, tinh thần doanh nhân... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự, đáp ứng kịp thời sự đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển;

2 Đào tạo: Masan Consumer luôn luôn ý thức rằng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập;

3 Giữ gìn nhân tài: Chiến lược nhân tài của chúng tôi rất rõ ràng, bao gồm: Công ty cho nhân viên được trải nghiệm và lãnh đạo, đánh giá nhân viên theo năng lực thực tế, thường xuyên đào tạo kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng mềm và đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân viên. Chúng tôi còn có các kế hoạch huấn luyện dài hạn nhằm chuẩn bị hành trang cho các nhân viên giỏi trở thành những nhà lãnh đạo tương lai.

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG



Tại Masan, chúng tôi luôn nghiêm túc đánh giá các tác động đến môi trường.

Chúng tôi đảm bảo các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Tại Masan, chúng tôi luôn nghiêm túc đánh giá các tác động đến môi trường. Chúng tôi đảm bảo các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Do đó, các biện pháp xử lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững là yêu cầu bắt buộc trong tất cả nhà máy của chúng tôi. Khi bắt đầu lên kế hoạch cho bất kỳ dự án mới nào, chúng tôi luôn tính toán trước các ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, từ đó lên các phương án bảo vệ môi trường phù hợp trước khi thực hiện dự án.

Công việc kinh doanh của chúng tôi tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam và địa phương về môi trường, như thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát và bảo vệ môi trường, thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường, kiểm định máy móc thiết bị nhà xưởng, phòng cháy chữa cháy và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra và báo cáo định kỳ. Trong quá trình sản xuất, nước thải vệ sinh và nước thải công nghiệp từ các nhà máy của chúng tôi được xử lý theo các quy định chặt chẽ trong nước và quốc tế. Để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, chúng tôi đã lắp đặt các trang thiết bị bảo vệ môi trường, tái chế chất thải trong trường hợp có thể, bao gồm chất thải rắn, lỏng và khí.

Bộ phận Pháp chế và Tuân thủ của chúng tôi kết hợp với Bộ phận An toàn, Sức khỏe và Môi trường (SHE) có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường trên toàn quốc.

Ngoài ra, Bộ phận kỹ thuật của từng công ty con của chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm mẫu chất thải định kỳ để giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi cũng đáp ứng được tất cả các quy định nghiêm ngặt từ các khách hàng quốc tế lẫn các đơn vị quản lý hàng hóa nhập khẩu ở nước ngoài.

Năm 2019, chúng tôi tập trung phát triển giải pháp kỹ thuật để không ngừng cải thiện các hệ thống xử lý nước xả thải tại đầu nguồn, đảm bảo kết quả kiểm định luôn đáp ứng năng lực vận hành của các Hệ thống Xử lý nước thải và tuân thủ pháp luật môi trường Việt Nam. Ngoài ra, tại các nhà máy chính của chúng tôi, 20% tổng diện tích khuôn viên được dành cho trồng cây xanh để đảm bảo nơi làm việc xanh – thân thiện môi trường.

Chúng tôi cũng chuyển đổi và cập nhật thành công Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe từ tiêu chuẩn ISO 18000 lên phiên bản mới ISO 45001 bên cạnh duy trì các tiêu chuẩn về môi trường ISO 14001 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Do đó, chúng tôi tin rằng Công ty chúng tôi là doanh nghiệp hàng đầu trong nước về đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường trong ngành.

Nguồn nước

Tại Masan, bảo vệ tài nguyên nước là một trong những vấn đề được ưu tiên. Chính sách sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước có trách nhiệm được chúng tôi thực hiện bằng cách áp dụng những giải pháp công nghệ tiên tiến, nhờ vậy, chúng tôi có thể quản lý nguồn nước hiệu quả hơn bao giờ hết.

Chúng tôi hướng đến mục tiêu xây dựng hệ thống xử lý nước thải tốt nhất. Điều đó được chứng minh qua mức đầu tư lớn của chúng tôi vào các hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các quy chuẩn khắt khe nhất để giám sát những tác động của hoạt động nhà máy đến môi trường xung quanh.

Chúng tôi đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại do đối tác Hà Lan thiết kế tại các nhà máy ở Bình Dương, Hải Dương và Nghệ An. Tất cả các mẫu nước thải đầu ra đều đạt tiêu chuẩn loại A – tiêu chuẩn cao nhất Việt Nam.

Masan Consumer cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong minh bạch hóa quy trình xử lý nước thải thông qua việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, báo cáo trực tiếp và liên tục với Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Năm 2019, chúng tôi sử dụng trên 2 triệu m³ nước cho công nghiệp và dân sinh. Toàn bộ nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công nghệ cao, trong đó, khoảng 7% lượng nước thải của chúng tôi được tái sử dụng để tưới cây và vệ sinh nhà máy.



Năng lượng sạch và tái tạo

Môi trường toàn cầu đang chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và một quốc gia có bờ biển trải dài như Việt Nam sẽ chịu những tác động bất lợi nhất. Chúng tôi cam kết giảm khí thải carbon thông qua việc tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa nguồn lực hiện có của chúng tôi.

Tại Masan Consumer, chúng tôi đã thực hiện chương trình “Ý tưởng tiết kiệm năng lượng” và đã đạt được những thành quả như sau:

- ♦ Tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ bằng cách: Tận dụng nhiệt bị mất đi trong quá trình chiên và vô trùng sản phẩm, tránh sử dụng các quy trình làm thay đổi nhiệt, áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng.
- ♦ Huấn luyện nhân viên về lợi ích của thói quen tiết kiệm điện bằng việc thường xuyên vệ sinh máy móc, dụng cụ nhằm đạt được thành phẩm đầu ra tốt nhất và giảm thiểu hư hỏng, tích cực sử dụng điện sản sinh từ tự nhiên hơn việc dùng máy phát điện, tiết kiệm nước và tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- ♦ Chúng tôi áp dụng công nghệ biogas từ trấu và mùn cưa để tạo năng lượng cho toàn bộ nhà máy. Đây là một nguồn năng lượng không những thân thiện với môi trường, chi phí thấp mà còn giúp tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Trong năm 2019, chúng tôi đã sử dụng hơn 648 ngàn tấn hơi từ việc đốt lò hơi chạy bằng dầu DO hoặc Biomass (từ mùn cưa, vỏ trấu...). Chúng tôi tin rằng những sáng kiến trên giúp cho các nhà máy nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Nâng cao đời sống cộng đồng

Tại Masan Consumer, chúng tôi tập trung vào các cơ hội phát triển con người, thúc đẩy những thay đổi tích cực trong xã hội và chia sẻ với tất cả các đối tác về giá trị của phát triển và tăng trưởng bền vững. Với mục đích đó, chúng tôi đã không ngừng đóng góp vào giáo dục, xây dựng nhà cửa và cơ sở hạ tầng, đào tạo và tư vấn cho cộng đồng.

Trong năm 2019, nhân hàng Wake-Up 247 với vai trò là nhà tài trợ giải bóng đá Vô địch Quốc gia đã đồng hành cùng Liên đoàn bóng đá Việt Nam thực hiện giải đấu thành công.

Chăm lo sức khỏe cộng đồng

Masan Consumer luôn tìm những cơ hội để nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua những hoạt động thiết thực và ý nghĩa.

Theo thống kê của Bộ Y tế, hàng năm Việt Nam có 12.000 trẻ mắc bệnh tim bẩm sinh nhưng chỉ có 6.000 trẻ được phẫu thuật, số còn lại phải chờ và thậm chí tử vong trước khi được phát hiện bệnh. Con số thống kê nâng tỷ lệ trẻ em Việt Nam mắc bệnh tim bẩm sinh lên từ 0,8 - 1%. Với mục đích chia sẻ nỗi đau cùng các gia đình và giúp các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được phẫu thuật miễn phí, Masan đã tài trợ 500 triệu đồng và đồng hành cùng chương trình mổ tim của Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM cho các trường hợp trẻ em có hoàn cảnh mắc bệnh tim bẩm sinh ở các tỉnh thành có cơ hội được mổ tim và điều trị miễn phí tại Viện Tim – Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2018 đến nay, Masan đã tài trợ tổng cộng 1,4 tỷ đồng giúp đem lại ánh sáng cho 400 bệnh nhân nghèo, phẫu thuật tim cho 18 cháu bị bệnh tim bẩm sinh tại các địa phương như: Quảng Nam và TP.HCM...



Các hoạt động thiện nguyện

Tại TP.HCM, chúng tôi đồng hành với các đơn vị như Sở Lao động Thương binh Xã hội TP.HCM, Thành Đoàn TP.HCM chăm lo trên 5.000 phần quà tết đến các Trung tâm người già, Trung tâm trẻ mồ côi trên toàn thành phố cũng như hàng ngàn công nhân của các khu công nghiệp đang hoạt động tại TP.HCM với ngân sách trên 01 tỷ đồng.

Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với vụ lúa lớn nhất Việt Nam nhưng cũng là nơi có nhiều cây cầu không kiên cố, ảnh hưởng đến việc đi lại, sinh hoạt của người dân vùng sông nước gặp nhiều khó khăn. Masan Consumer đã cùng chương trình “Kiến tạo nhịp cầu” của Quỹ Nam Phương xây dựng và đưa vào hoạt động cầu Khang Thịnh và Khang Phúc tại tỉnh Hậu Giang và Tiền Giang, giúp người dân và các em học sinh đi lại an toàn và thuận tiện, đặc biệt trong mùa mưa bão. Tổng kinh phí hỗ trợ từ Masan Consumer cho hai dự án này là 1,8 tỷ đồng.

Vào ngày 23/03/2019, Masan Consumer và Quỹ Nam Phương đã tổ chức buổi lễ khánh thành cầu Khang Thịnh tại xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Cầu có chiều rộng 2,5m, chiều dài 34m dự kiến sẽ đón hơn 164.000 lượt lưu thông mỗi năm.

Vào ngày 11/01/2020, tại xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cầu dây văng Khang Phúc đã hoàn thành với tổng chiều dài 87m, chiều rộng 2,5m, tải trọng 1 tấn, giúp hơn 144.000 người qua lại an toàn mỗi năm. Là cây cầu nằm trên tuyến Kênh 28 trong xã Hậu Thành, cầu Khang Phúc sẽ thông tuyến kết nối gần hơn đến các xã như xã Mỹ Hội, xã Hậu Thành, xã Hòa Khánh thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Ngoài việc phục vụ đi lại của bà con, cây cầu còn có vai trò quan trọng trong việc đến trường của các em học sinh trường tiểu học Hậu Thành, khi các em thường phải chờ đò đưa qua sông. Đến nay, dự án cầu Khang Phúc chính là dự án cầu dây văng lớn nhất từ trước đến nay mà công ty Masan Consumer tài trợ xây dựng.

GIẢI THƯỞNG

Cam kết phát triển bền vững của chúng tôi đã mang lại những thành quả sau nhiều năm thực hiện, được thể hiện bởi số lượng giải thưởng và bằng khen của các tổ chức đánh giá thương hiệu cả trong và ngoài nước.

- Masan Consumer tự hào là **Công ty Thực phẩm uy tín nhất Việt Nam năm 2019** theo kết quả của Vietnam Report.
- Vinacafé Biên Hòa vinh dự đứng trong **“Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống Việt Nam năm 2019”** theo Vietnam Report.

**Công ty uy tín ngành
đồ uống Việt Nam năm 2019**

Top 10



HƯỚNG VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại Masan, phát triển bền vững nghĩa là sự dung hòa giữa hiệu quả của doanh nghiệp với môi trường và con người xung quanh. Chọn con đường phát triển theo triết lý **“Doing well by doing good”**, Masan tự hào là doanh nghiệp dẫn đầu trên nền tảng quan điểm kinh doanh bền vững, tạo những kỳ tích mang dấu ấn của chính mình.

Đối với chúng tôi, thành công không dừng lại ở những con số biết nói mà niềm hạnh phúc lớn nhất là nhìn thấy và cảm nhận những đổi thay tích cực trong đời sống hằng ngày. Đó là khát khao giúp cho người tiêu dùng Việt có thể chi trả ít hơn nhu cầu cơ bản hàng ngày của họ, giúp họ có cơ hội cải thiện cuộc sống và đầu tư vào tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH





Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công

với MSC khi doanh thu thuần tăng 8,7% lên 18.488 tỷ đồng so với 17.006 tỷ đồng năm 2018



KHÁI QUÁT

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng GDP thực tế ấn tượng trong năm 2019 khi đạt 7,02%. Đây là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011 - theo Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO). Hoạt động thương mại, dịch vụ năm 2019 diễn ra sôi động, nhu cầu tiêu dùng tăng, thị trường tiêu thụ được mở rộng, nguồn cung hàng hóa dồi dào, chất lượng được bảo đảm. Hoạt động du lịch đạt kỳ tích tiếp tục là ngành chủ lực, thu hút trên gần 20 triệu lượt khách quốc tế, cao nhất từ trước đến nay.

Việc nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cao rất đáng ghi nhận trong bối cảnh: (i) Bên ngoài, căng thẳng thương mại giữa hai nền kinh tế hàng đầu Mỹ - Trung Quốc cũng như tình trạng trì trệ thương mại toàn cầu; (ii) Bên trong, chịu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và dịch tả lợn Châu Phi.

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên "Lợi tức Dân số - Demographic Dividend" dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 100 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm. Xu hướng tỷ lệ dân số có trình độ trên trung học đang tăng cao giúp cho việc gia tăng lực lượng lao động có bằng cấp cao cho các ngành nghề, đặc biệt là ngành dịch vụ, tiêu dùng.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự tác động hỗn hợp tích cực của tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, "lợi tức dân số", sự nổi lên của nhóm người thu nhập trung bình và mạng lưới bán lẻ hiện đại đang mở rộng, góp phần thúc đẩy mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm trong dài hạn và trung hạn.

Sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, các hộ gia đình có thu nhập trung lưu trở lên hơn 50% số hộ gia đình (từ 35% trong năm 2012 lên 54% năm 2019 theo Kantar Worldpanel) đã thúc đẩy nhu cầu khổng lồ về "cao cấp hóa" các sản phẩm tiêu dùng. Quá trình đô thị hóa tiếp tục mở rộng cũng khiến cấu trúc gia đình thu nhỏ với tỷ lệ thành viên chỉ từ 1-2 thành viên do vậy thu nhập bình quân đầu người cũng được cải thiện. Nhóm người trong độ tuổi từ 25-39 (khoảng 25% dân số) là nhóm có sức mua và tiêu dùng chi phối mạnh. Người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm chất lượng thuộc ngành thực phẩm.

Ngành thực phẩm và đồ uống Việt Nam dự kiến tiếp tục tăng trưởng hai con số trong tương lai gần, chủ yếu là do tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước nhờ vào sự tăng thu nhập khả dụng. Nhờ đó, với vị trí dẫn đầu thị trường trong các ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, Masan có vị thế tốt để nắm bắt cơ hội từ triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam, đặc biệt là niềm tin của người tiêu dùng Việt Nam đang tăng lên.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Sau khi Masan Consumer thành công tái cấu trúc mô hình kinh doanh từ “bán hàng hóa” thành “xây dựng thương hiệu” cuối năm 2017, hy sinh lợi ích ngắn hạn để tập trung nguồn lực vào tăng trưởng bền vững trong dài hạn, Masan Consumer đã tăng trưởng trở lại trong năm 2018 và 2019. Chiến lược giảm bớt hàng tồn kho tại nhà phân phối đã được thực thi để: i) nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối trên thị trường và ii) giảm sự phụ thuộc vào các hoạt động khuyến mãi, giải phóng nguồn lực để đầu tư vào các hoạt động xây dựng thương hiệu.

Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công với Masan Consumer khi doanh thu thuần tăng 8,7% lên 18.488 tỷ đồng so với 17.006 tỷ đồng năm 2018. Kết quả đó có được là do ngành hàng thực phẩm tăng trưởng một con số ở mức trung bình sau khi Masan Consumer thực hiện chiến lược cao cấp hóa và giới thiệu các sản phẩm mới, ngành hàng đồ uống tăng trưởng ở mức hai con số và ngành hàng thịt chế biến đạt mức độ tăng trưởng gần gấp đôi để bù đắp mức tăng trưởng chậm trong phân khúc kinh doanh cà phê.

Doanh thu ngành hàng gia vị đã tăng 4,2% trong năm 2019, nhờ tăng trưởng trong danh mục sản phẩm nước mắm và doanh số tăng gấp 4 lần của sản phẩm hạt nêm. Hạt nêm tiếp tục là sản phẩm đóng góp đáng kể vào tốc độ phát triển chung, chiếm gần 4,4% tổng doanh số ngành hàng gia vị trong năm 2019. Việc giới thiệu các sản phẩm cao cấp như Nam Ngư Phú Quốc, Chin-Su vị mặn mà và Chin-su Cá Com Mùa Xuân sẽ tiếp tục tạo đà tăng trưởng cho danh mục sản phẩm gia vị cao cấp trong năm 2020. Nhờ lợi thế của các sản phẩm cao cấp, ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng 7,2% trong năm 2019 và tăng 25,2% so với năm 2018. Là một trong những mảng kinh doanh cao cấp chính, các giải pháp bữa ăn gia đình hoàn chỉnh đã tăng ~ 80% so với năm 2018. Các sản phẩm cao cấp hiện chiếm hơn 50% tổng doanh số ngành hàng thực phẩm tiện lợi, trong khi các giải pháp bữa ăn gia đình hoàn chỉnh chiếm 9% tổng doanh số.

Doanh thu thuần của ngành hàng nước uống giải khát tăng 27,2% trong năm 2019, trong đó danh mục nước uống tăng lực tăng 32,5% và danh mục sản phẩm nước đóng chai tăng 15,2%. Trong phân khúc nước uống tăng lực, thương hiệu Wake-Up 247 vẫn là sản phẩm chủ đạo với ~ 30% doanh số, trong khi thương hiệu mới Compact đang tăng dần tỷ lệ đóng góp, hiện chiếm ~ 7% doanh số danh mục sản phẩm nước uống tăng lực.

Với các sản phẩm mới của Masan Consumer, thị chế biến đóng góp 96,1% tăng trưởng doanh thu thuần trong năm 2019. Việc giới thiệu các sản phẩm mới tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng của các thương hiệu như Heo Cao Bồi. Ngành hàng này dự kiến sẽ tăng trưởng gấp đôi vào năm 2020 nhờ danh mục các sản phẩm mới đa dạng, với SKU thị chế biến hay sản phẩm mang hương vị địa phương và các chiến dịch truyền thông chiến lược trên mạng xã hội được thực hiện. Ngành hàng cà phê không đạt kết quả kinh doanh như dự kiến, mặc dù đã có dấu hiệu khởi sắc hơn vào Q4/2019. Tốc độ tăng trưởng vẫn ở mức chậm và doanh thu của ngành hàng năm 2019 đã giảm 12,8%. Các sản phẩm cà phê mới như cà phê rang xay, cà phê uống liền có thể thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành hàng trong năm 2020.

Về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2019 là 43%, thấp hơn so với mức 44,7% năm 2018, do biên lợi nhuận của các sản phẩm hạt nêm và thực phẩm tiện lợi giảm dù tỷ suất lợi nhuận dòng sản phẩm nước uống tăng lực có tăng. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty năm 2019 đạt 4.026 tỷ đồng, tăng 19,6% so với 3.367 tỷ đồng năm 2018, nhờ doanh thu thuần tăng và tối ưu hóa chi phí bán hàng, tiếp thị.

Masan Consumer dự kiến năm 2020 sẽ đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận nhờ chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã gây khó khăn trong việc lập kế hoạch ngân sách năm. Do đó, dự báo tăng trưởng năm 2020 của Masan Consumer sẽ được chia sẻ chi tiết hơn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

Môi trường kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và mua sắm cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp và khả năng cho vay tín dụng cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào.

Năm 2020, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ gia tăng tiêu dùng do thu nhập khả dụng ngày càng cao, tầng lớp trung lưu đông hơn, tốc độ đô thị hóa cao và hệ thống ngân hàng có chất lượng tài sản tốt hơn. Nửa đầu năm 2020, nền kinh tế dự đoán sẽ bị ảnh hưởng đáng kể bởi đại dịch toàn cầu COVID-19 và các tác động lan tỏa như đã thấy rõ khi số liệu tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt dưới 4% trong Quý 1/2020.

Bất kỳ biến động nào về giá nguyên liệu đầu vào trong năm 2020 cũng tác động xấu dẫn đến biên lợi nhuận giảm trong những ngành kinh doanh của Masan. Sự gián đoạn của chuỗi cung ứng và khả năng mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ có thể khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, từ đó đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Thị trường hàng tiêu dùng tại Việt Nam

Đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam cho thấy cơ hội cho nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng cao và sẽ tiếp tục được duy trì trong vài thập niên tiếp theo. Các xu hướng mới và đặc điểm nhân khẩu học sẽ làm ảnh hưởng đến thói quen tiêu dùng gồm: (i) số lượng nhân viên nữ trong lực lượng lao động cao hơn, (ii) tỷ lệ đô thị hóa cao, (iii) lối sống bận rộn hơn và (iv) tăng cường đầu tư vào các hoạt động tiếp thị. Các xu hướng này sẽ làm thay đổi lớn đến thị trường tiêu dùng như: (i) nhu cầu cao cho thực phẩm tiện lợi, (ii) mối quan tâm lớn hơn cho sản phẩm chất lượng và an toàn, (iii) các sản phẩm có thương hiệu được ưu tiên lựa chọn và (iv) nhu cầu cho các sản phẩm mới và đa dạng.

Thị trường cho các sản phẩm thực phẩm và đồ uống đã và đang mở rộng trong thời gian qua, chủ yếu là do: (i) thu nhập khả dụng của người tiêu dùng cao hơn và mối quan tâm lớn hơn đến chất lượng sản phẩm, (ii) mối quan tâm lớn hơn đến các vấn đề về sức khỏe và an toàn và (iii) các công ty lớn đầu tư nhiều hơn vào phát triển sản phẩm mới, tiếp thị và hệ thống phân phối. Xu hướng mua sắm có sự chuyển dịch từ kênh mua sắm truyền thống sang kênh mua sắm hiện đại (các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị, thương mại điện tử...) nơi mà ở đó người tiêu dùng có thời gian tìm kiếm lựa chọn sản phẩm với mức giá ưu đãi và phù hợp với nhu cầu thực tế.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM TIỆN LỢI

Thị trường thực phẩm đóng gói tại Việt Nam đầy cạnh tranh với rất nhiều đối thủ sở hữu các thương hiệu đa dạng. Ngoài việc dân số lớn thì tăng trưởng kinh tế cao và tăng cường đầu tư của nước ngoài đã thu hút nhiều công ty trong nước và quốc tế tham gia thị trường trong những năm gần đây. Thu nhập khả dụng của người Việt ngày càng tăng, nhận thức về dinh dưỡng cao hơn và quan tâm hơn về vệ sinh an toàn thực phẩm, các công ty thực phẩm đóng gói tiếp tục phát triển sản phẩm mới để đáp ứng các nhu cầu này. Cụ thể, các nhà sản xuất sẽ đưa ra các sản phẩm có thêm các thành phần mới hơn để đáp ứng nhu cầu không ngừng thay đổi của người tiêu dùng. Cấu trúc gia đình thu nhỏ với tỷ lệ hộ gia đình có 1-2 thành viên sẽ ngày càng nhiều, dẫn đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm với dung tích/ khối lượng vừa và nhỏ (small pack size) nhiều hơn.

Đặt nền tảng cho việc xây dựng hình ảnh Chin-Su Foods là bữa ăn gia đình hoàn chỉnh, năm 2019, Masan Consumer đã tiên phong trong thị trường thực phẩm đóng gói khi giới thiệu Phở hộp Chin-Su có thịt bò tươi nguyên miếng như một giải pháp cho bữa ăn hoàn chỉnh, dinh dưỡng, đầy mạnh cao cấp hóa ngành hàng với các sản phẩm vượt trội, cao cấp.

Doanh thu thuần của ngành thực phẩm tiện lợi của Masan trong năm 2019 đạt 4.968 tỷ đồng, tăng 7% so với 2018. Omachi tiếp tục dẫn đầu phân khúc cao cấp khi tiếp tục đạt tăng trưởng 2 con số với 25% tăng trưởng so với 2018 nhờ vào việc liên tục giới thiệu các trải nghiệm độc đáo của sản phẩm mì hộp với mì trộn và các phát kiến mới khác. Với chiến lược không ngừng đổi mới và dẫn dắt thị trường dòng cao cấp, Omachi sẽ còn tiếp tục tăng trưởng vượt trội, góp phần đưa ngành hàng lên tầm cao mới.

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng thúc đẩy xu hướng tiêu dùng mạnh mẽ. Tốc độ đô thị hóa, lối sống nhanh và bận rộn dẫn dắt nhu cầu sử dụng các sản phẩm tiện lợi, đóng gói sẵn ngày càng gia tăng. Nhờ đó, cà phê hòa tan sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Đặc biệt, người tiêu dùng sẵn sàng đón nhận những khẩu vị mới lạ theo hướng thức uống mang hương vị cà phê nên việc cho ra đời những sản phẩm mới là yếu tố chủ chốt để gia tăng sức mạnh cạnh tranh của nhãn hiệu.

Ngành cà phê của Masan Consumer (trừ nhãn hiệu Wake-Up 247 do thuộc ngành đồ uống đóng chai) trong năm 2019 ghi nhận doanh thu thuần là 1.490 tỷ đồng. Masan đã giới thiệu ra thị trường cà phê 4 in 1 - Cà phê kem sữa đưa đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ưa chuộng thức uống mạnh hương vị cà phê. Đây là sự kết hợp độc đáo, mới lạ từ cà phê, kết hợp với vị kem, sữa và đưa hấp dẫn tạo nên sự đột phá mới về khẩu vị cà phê, thu hút thêm người dùng.

NGÀNH HÀNG GIA VỊ, NƯỚC SỐT VÀ NƯỚC SỐT SALAD

Sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu kéo theo sức cầu tiêu dùng tăng mạnh trên nhiều khía cạnh khi ngày càng nhiều người tiêu dùng mong muốn trải nghiệm nhiều sản phẩm cao cấp hơn. Đi cùng với việc nâng tầm cuộc sống thì các sản phẩm gia vị thiết yếu trong gia đình cũng đi cùng với xu hướng này và người tiêu dùng sẵn sàng chi trả giá cao hơn cho các sản phẩm gia vị chất lượng, cao cấp. Dòng sản phẩm nước mắm cao cấp như Chin-Su và Nam Ngư chai thủy tinh là hai thương hiệu mà người tiêu dùng sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn nhờ chất lượng đảm bảo.

Xu hướng đô thị hóa tăng nhanh, người trẻ chiếm tỷ trọng cao cùng với sự phong phú, đa dạng, phong phú của ẩm thực hiện đại cùng xu thế các nhà hàng, quán ăn ra đời ngày càng nhiều tại các đô thị đã tạo nên sự tăng trưởng của ngành hàng gia vị nói chung và đặc biệt là các loại sốt, chấm. Trong năm 2019, tương ớt Chin-Su tiếp tục là sản phẩm được giới trẻ yêu thích khi có thêm Chin-Su tương ớt hương vị Nhật Bản mang đến các gia vị hoàn chỉnh.

Ngoài ra, năm 2019 cũng đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của Chin-Su hạt nêm, chỉ trong 01 năm kể từ khi được giới thiệu ra thị trường, sản phẩm đã nhanh chóng lọt vào Top 3 ngành hàng với 11% về thị phần sản lượng. Với bước đột phá mạnh mẽ cho thương hiệu cao cấp Chin-Su để chứng tỏ tính hiệu quả trong chiến lược cao cấp hóa, doanh số của ngành gia vị năm 2019 tăng 5% so với 2018, từ 6.958 tỷ đồng lên 7.249 tỷ đồng.

NGÀNH THỊT CHẾ BIẾN

Do người tiêu dùng có nhu cầu các sản phẩm thực phẩm cao hơn, chất lượng hơn về khẩu vị, dinh dưỡng và mức giá hợp lý, điều này được thể hiện trong việc tăng lượng tiêu thụ thịt và hải sản trong ẩm thực Việt. Người tiêu dùng cũng đang bắt đầu thử các loại thực phẩm chế biến sẵn và cỗ mỗ thử ẩm thực từ các nước phương Tây cùng với xu hướng sử dụng các thực phẩm dinh dưỡng tiện lợi từ thịt chế biến như các nước Nhật Bản và Hàn Quốc.

Trong năm 2019, sản phẩm xúc xích Heo Cao Bồi đã có sự tăng trưởng đột phá khi doanh thu thuần đạt 411 tỷ đồng tăng 96% so với năm 2018. Nhãn hiệu Heo Cao Bồi trở thành nhãn hiệu được trẻ em Việt Nam yêu thích và đây cũng là minh chứng cho xu hướng đúng của người tiêu dùng hiện đại.

NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI

Theo Nielsen, ngành đồ uống đóng chai của Việt Nam bao gồm nước đóng chai, nước uống có gas, nước trái cây, nước tăng lực và các sản phẩm đồ uống dùng ngay (ready-to-drink) có giá trị thị trường 65.000 tỷ đồng trong năm 2019 và tăng trưởng 9% mỗi năm.

Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm đến vấn đề sức khỏe, do vậy, họ có xu hướng chọn mua những loại đồ uống tốt cho sức khỏe, đây là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường đồ uống đóng chai.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI (tiếp theo)

Người tiêu dùng hiện nay yêu thích các sản phẩm lành mạnh hơn trong phân khúc này như trà đóng chai, nước trái cây và nước đóng chai. Ngoài ra, nhu cầu nước tăng lực của nguồn lực lượng lao động lớn trong các ngành sản xuất, nông nghiệp và giao thông vận tải cũng là động lực tăng trưởng cho ngành. Dù các công ty nước ngoài đang chiếm thị phần cao hơn nhờ vào ưu thế tiên phong và chiến lược xây dựng thương hiệu và đa dạng hóa sản phẩm, tuy nhiên các công ty trong nước được cho là sẽ tiếp tục tăng thị phần theo sản lượng và thu hẹp khoảng cách thị phần theo giá trị, nhờ vào nắm bắt khẩu vị địa phương.

Doanh thu thuần từ ngành hàng đồ uống của Masan năm 2019 đạt 3.549 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2018, chủ yếu nhờ doanh thu của ngành hàng nước tăng lực tăng từ 1.960 tỷ đồng lên 2.579 tỷ đồng, tăng 32% nhờ tăng cường bao phủ sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247 (tỷ độ phủ 46% giá trị thị trường vào năm 2018 lên 56% năm 2019) và tung ra thị trường sản phẩm nước tăng lực Compact Cherry. Điều này đã giúp thị phần của Masan Consumer trong ngành nước tăng lực đạt mức 11% vào Quý 4/2019, so với 8,4% cùng kỳ năm 2018.

Sản phẩm nước tăng lực Wake-Up 247 là một đột phá thành công của chúng tôi, đã tiếp tục có bước tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2019, tăng 30,6% so với 2018. Wake-Up 247 đang là động lực thúc đẩy tăng trưởng cho ngành hàng đồ uống của Masan Consumer, đến từ việc xây dựng thương hiệu và tăng độ phủ của sản phẩm. Bên cạnh đó, sản phẩm nước tăng lực Compact Cherry - được đưa ra thị trường vào tháng 06/2019 - cũng ghi nhận mức độ tăng trưởng nhanh chóng và được người tiêu dùng đón nhận tích cực.

Nước tăng lực dự kiến sẽ đóng góp hơn 4.000 tỷ đồng doanh thu trong năm 2020 và sẽ tiếp tục là một trụ cột tăng trưởng hàng đầu của Masan Consumer.

NGÀNH HÀNG HÓA MỸ PHẨM CHĂM SÓC CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Thị trường hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình là một trong những lĩnh vực tiêu dùng quy mô lớn, có nhiều sức hút nhất tại Việt Nam, với tổng quy mô thị trường vượt 3 tỷ USD, hiện chiếm ưu thế bởi phần lớn các sản phẩm và doanh nghiệp của nước ngoài. Người tiêu dùng ở Việt Nam thực tế đang chi trả nhiều hơn cho các sản phẩm này vì Việt Nam có mức chi tiêu bình quân đầu người cao nhất trong ngành hàng này so với các thị trường Đông Nam Á khác. Masan tin rằng, thị trường hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình vẫn còn rất sơ khai khi so sánh với các thị trường phát triển khác, đây cũng là cơ hội để xây dựng các thương hiệu mạnh của Việt Nam.

Masan Consumer đã mua lại phần lớn cổ phần của Công ty Cổ phần Bột giặt Net ("NET") trong Quý 1 năm 2020, đây là điểm khởi đầu chiến lược để Masan xây dựng nền tảng đa dạng hóa các sản phẩm hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình. Masan sẽ cùng với NET thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nhanh bằng cách xây dựng danh mục sản phẩm sáng tạo và sử dụng mạng lưới phân phối hiện tại của Masan có tích hợp mạng lưới của NET để khai thác tiềm lực hai bên và tạo ra giá trị lâu dài cho người tiêu dùng.



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

Triển vọng kinh doanh của Masan Consumer gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Sự bùng phát gần đây của đại dịch COVID-19 trên toàn thế giới và tại Việt Nam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin, chỉ tiêu và dự báo của người tiêu dùng, có thể gây bất lợi cho kế hoạch tài chính của Công ty chúng tôi. Nửa đầu năm 2020, nền kinh tế dự đoán sẽ bị ảnh hưởng đáng kể bởi đại dịch toàn cầu COVID-19 và các tác động lan tỏa như đã thấy rõ trong số liệu tăng trưởng GDP của Việt Nam trong Quý 1/2020.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Consumer hoạt động trong các ngành hàng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Chi phí của Masan Consumer có thể gặp biến động

Khối lượng sản xuất của chúng tôi và chi phí sản xuất phụ thuộc vào khả năng của chúng tôi trong việc duy trì nguồn cung ổn định và đầy đủ nguyên liệu (bao gồm cả dầu ăn, cá, đậu tương, nước mắm nguyên liệu, ớt, bột mì, đường và ngũ cốc) và vật liệu đóng gói cho các sản phẩm của chúng tôi với mức giá có thể chấp nhận được. Nguyên liệu được

chúng tôi mua ở Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty trung gian. Mặc dù chúng tôi mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, chúng tôi không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu chúng tôi không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như chất mà chúng tôi yêu cầu, hoặc với mức giá hoặc các điều khoản khác mà chúng tôi có thể chấp nhận, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Ngoài ra, giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu chúng tôi không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm của chúng tôi lên tương ứng thì hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

Masan Consumer phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình

Mặc dù Masan Consumer không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Consumer phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ, nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự thiếu hụt nhân sự chủ chốt có thể gây ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer.

Chúng tôi phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn

Chúng tôi dựa rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của chúng tôi chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của chúng tôi, các

nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với chúng tôi. Trong trường hợp quan hệ của chúng tôi với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Doanh thu của Masan Consumer phụ thuộc vào hình ảnh thương hiệu

Masan Consumer luôn phấn đấu để giữ hình ảnh là một công ty thành công, mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng và có nhiều hoài bão lớn. Tuy nhiên, những sự kiện không mong muốn có thể xảy ra và gây ảnh hưởng đến hình ảnh của chúng tôi, chẳng hạn như bị đối thủ cạnh tranh không lành mạnh. Hình ảnh thương hiệu của chúng tôi có thể ảnh hưởng lớn đến doanh số và chúng tôi có thể bị lỗ do doanh thu giảm và các chi phí khác nhằm củng cố lại thương hiệu.

Chúng tôi có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới

Chúng tôi có một đội ngũ nghiên cứu và phát triển Chúng tôi có một đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm nội bộ, dành toàn thời gian cho việc phát triển sản phẩm mới và các phiên bản của những sản phẩm hiện có. Cụ thể, chúng tôi tập trung vào việc tạo nên những sản phẩm sáng tạo, tốt cho sức khỏe, giá cả hợp lý và tiện dụng. Việc phát triển và ra mắt sản phẩm mới có thể đòi hỏi chi phí đáng kể, bao gồm chi phí quản lý, sản xuất và tiếp thị cao hơn.

Một sản phẩm mới được chấp nhận trên thị trường hay không phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chúng tôi trong việc đáp ứng thành công các nhu cầu của thị trường, khẩu vị và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng. Chúng tôi không thể đảm bảo thị trường sẽ chấp nhận mọi sản phẩm mới mà chúng tôi sản xuất. Nếu các sản phẩm không thành công, chúng tôi sẽ không thể lấy lại được chi phí nghiên cứu và phát triển đã bỏ ra và điều này sẽ có tác động xấu đến việc kinh doanh của chúng tôi, điều kiện tài chính, kết quả vận hành và các viễn cảnh khác.

Chúng tôi phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và bất kỳ vụ nhiễm bẩn nào như vậy sẽ khiến chúng tôi có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm

Nhiễm bẩn là một rủi ro vốn có trong ngành thực phẩm và đồ uống. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất và kiểm tra thường xuyên nguyên vật liệu, chúng tôi không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ nhiễm bẩn. Không phải tất cả các quá trình xử lý của chúng tôi hoàn toàn tự động, do đó làm tăng nguy cơ lỗi của con người, và do đó cũng có khả năng tăng nguy cơ ô nhiễm. Do vậy, chúng tôi có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm hoặc rút khỏi thị trường, điều đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi. Mặc dù không có chính sách trách nhiệm sản phẩm được công nhận tại Việt Nam, chúng tôi không thể đảm bảo rằng chúng tôi sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của chúng tôi.

Sự mở rộng vào thị trường In-land ASEAN không chắc chắn thành công

Thông qua quan hệ đối tác với Singha, Masan muốn tung sản phẩm của mình ở Thái Lan và cuối cùng mở rộng sang các thị trường lân cận trong khu vực In-land ASEAN. Cho dù đây là một cơ hội để chúng tôi mở rộng và tăng trưởng trong một thị trường to lớn hơn, chúng tôi không thể đảm bảo việc chúng tôi sẽ thành công tại thị trường này vì đây là sự khởi đầu của một nhiệm vụ đầy thử thách.

Tác động của đại dịch COVID-19 vẫn chưa được đánh giá đầy đủ

Đại dịch COVID-19 được dự báo sẽ có nhiều tác động đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu khi thế giới chưa ghi nhận các dấu hiệu kiểm soát dịch bệnh. Hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực vị tạm ngưng có thể tạo ra phản ứng dây chuyền với rất nhiều doanh nghiệp. Các tác động của dịch bệnh vẫn đang được đánh giá thêm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	2019	2018
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
Doanh thu gộp	19.112.348	17.290.254
Các khoản giảm trừ	(624.807)	(283.778)
Doanh thu thuần	18.487.542	17.006.476
Giá vốn hàng bán	(10.529.868)	(9.388.082)
Lợi nhuận gộp	7.957.674	7.618.393
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(3.832.573)	(4.078.103)
Thu nhập tài chính	619.848	550.227
Chi phí tài chính	(240.141)	(182.528)
Phần lãi trong một công ty liên kết	7.978	5.318
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.512.786	3.913.307
Kết quả từ các hoạt động khác	(21.006)	(18.902)
Lợi nhuận trước thuế	4.491.779	3.894.405
Thuế	(430.101)	(496.926)
Lợi nhuận sau thuế	4.061.678	3.397.479
Phân bổ		
Cổ đông không kiểm soát	35.187	30.390
CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY	4.026.491	3.367.089

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2019	31/12/2018
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.006.835	3.633.456
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.191.361	1.669.120
Đầu tư tài chính ngắn hạn	193.304	251.200
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	543.205	441.229
Phải thu khác	1.863.402	17.051
Hàng tồn kho	1.168.106	1.215.429
Tài sản ngắn hạn khác	47.457	39.427
TÀI SẢN DÀI HẠN	14.462.772	13.419.349
Các khoản phải thu dài hạn	8.935.014	8.205.003
Tài sản cố định	4.156.809	4.077.188
TSCĐ hữu hình	3.306.841	3.087.400
TSCĐ vô hình	849.968	989.788
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	561.015	230.564
Đầu tư tài chính dài hạn	249.392	249.392
Tài sản dài hạn khác	560.542	657.202
TỔNG TÀI SẢN	20.469.607	17.052.805

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2019	31/12/2018
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	7.743.868	5.917.950
Vay và nợ ngắn hạn	5.113.137	3.279.081
Phải trả người bán	1.098.801	996.133
Người mua trả tiền trước	42.571	48.884
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	396.613	283.813
Phải trả người lao động	444	286
Chi phí phải trả	1.050.522	1.267.089
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.779	42.663
NỢ DÀI HẠN	318.773	253.643
Vay và nợ dài hạn	126.321	41.142
Nợ dài hạn khác	192.452	212.501
NỢ PHẢI TRẢ	8.062.640	6.171.593
VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.406.967	10.881.212
Vốn cổ phần	7.229.246	6.279.291
Thặng dư vốn cổ phần	3.555.999	4.292.501
Vốn khác của chủ sở hữu	(265.776)	(265.776)
Cổ phiếu quỹ	(1.640.253)	(1.640.253)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.597	5.398
Quỹ đầu tư phát triển	22.732	22.732
Lợi nhuận chưa phân phối	3.244.394	1.962.584
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	247.027	224.734
TỔNG NGUỒN VỐN	20.469.607	17.052.805

Các chỉ số tài chính


	31/12/2019	31/12/2018
Hệ số thanh toán hiện thời	0,8x	0,6x
Hệ số thanh toán nhanh	0,6x	0,4x
Tổng Nợ/EBITDA	1,1x	0,8x
Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,26x	0,19x
Vòng quay tồn kho	8,8x	8,4x
Số ngày tồn kho (ngày)	40	47
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	34,6%	30,3%
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	21,6%	19,6%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	98,54%	98,03%
Biên lợi nhuận thuần	22,0%	20,0%
Biên EBIT	22,3%	20,8%
Biên EBITDA	26,3%	25,1%

THẢO LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TOÁN


18.488
Tỷ đồng

Doanh thu thuần

Năm 2019, doanh thu thuần của Masan Consumer đạt 18.488 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2018. Động lực thúc đẩy tăng trưởng nhờ vào thành công trong việc giới thiệu các sản phẩm sáng tạo, cao cấp trong ngành hàng thực phẩm cùng với việc mở rộng danh mục đồ uống.


Đạt **43%**

Biên lợi nhuận gộp

Biên lợi nhuận gộp của Masan Consumer đạt 43% trong năm 2019 giảm 1,7% so với 44,7% trong năm 2018. Mức giảm chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận thấp đến từ sản phẩm hạt nêm và thực phẩm tiện lợi và được bù đắp từ tỷ suất lợi nhuận cao của ngành nước tăng lức.


3.832
Tỷ đồng

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A) trong năm 2019 đạt 3.832 tỷ đồng, so với mức 4.078 tỷ đồng trong năm 2018. SG&A theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ 24% trong năm 2018 xuống 20,7% trong năm 2019, do tối ưu hóa chi phí marketing và chi phí khuyến mãi.


380
Tỷ đồng

Lợi nhuận thuần tài chính

Lợi nhuận thuần tài chính trong năm 2019 đạt 380 tỷ đồng so với 368 tỷ đồng năm 2018, tăng 3,3% do tối ưu hóa các dòng tiền.


4.062
Tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 đạt 4.062 tỷ đồng, tăng 19,6% so với năm 2018 nhờ tối ưu hóa chi phí marketing và khuyến mãi và mức tăng 8,7% từ doanh thu thuần.


11.845
Tỷ đồng


Tiền và các khoản tương đương tiền

Tại ngày 31/12/2019, Masan Consumer nắm giữ 11.845 tỷ đồng số dư tiền (bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư có lãi khác), tăng 26,6% từ mức 9.354 tỷ đồng tại ngày 31/12/2018. Mức tăng này chủ yếu từ các dòng tiền do hoạt động điều hành.


4.718
Tỷ đồng

Tài sản cố định

Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang) đạt 4.718 tỷ đồng, tăng 10% từ 4.308 tỷ đồng so với ngày 31/12/2018. Tài sản cố định tăng chủ yếu từ đầu tư để nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại như: dây chuyền sản xuất các dòng sản phẩm xốt xệt, dây chuyền sản xuất Hạt nêm, dây chuyền sản xuất Mì hộp. Thêm vào đó, chúng tôi đã xây dựng dây chuyền sản xuất nước tự động tại nhà máy Masan Nghệ An và đóng gói tự động tại nhà máy Bình Dương.


32,8%

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm 32,8% lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimes tại thời điểm ngày 31/12/2019.


20.470
Tỷ đồng

Tổng Tài sản

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng tài sản tăng 20% từ mức 17.053 tỷ đồng tại ngày 31/12/2018 lên mức 20.470 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019 chủ yếu do việc tăng các khoản tiền và tương đương tiền, tài sản cố định cao hơn và thay đổi vốn lưu động.

Tăng 
57,8%

Các khoản vay

Tính đến ngày 31/12/2019, các khoản vay ngắn và dài hạn tăng 57,8% từ mức 3.320 tỷ đồng tại ngày 31/12/2018 lên mức 5.239 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019, chủ yếu là do tăng khoản vay ngắn hạn để phục vụ vốn lưu động.


12.407
Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

Tính đến ngày 31/12/2019, vốn chủ sở hữu đạt 12.407 tỷ đồng, tăng 14% so với mức 10.881 tỷ đồng vào ngày 31/12/2018. Mức tăng chủ yếu do tăng trưởng từ Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN.

TRIỂN VỌNG 2020

Đầu năm 2020, kế hoạch ngân sách dự kiến của chúng tôi cho thấy, cả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng trưởng trong phạm vi 20%-30%. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã gây khó khăn trong việc lập kế hoạch ngân sách năm 2020. Là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, chúng tôi ghi nhận doanh thu tăng lên cho các sản phẩm tiêu dùng khi mức mua sắm tích trữ và tiêu thụ hàng hóa tại nhà của người tiêu dùng lớn hơn sau khi rất nhiều cửa hàng, quán ăn đóng cửa. Chúng tôi đã tăng trưởng trong bối cảnh này và ngành hàng thực phẩm tiện lợi đã đạt kết quả kinh doanh vượt dự kiến. Tuy nhiên, nếu đại dịch vẫn kéo dài, người tiêu dùng sẽ phát sinh tâm lý e ngại và giảm sức mua, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Do đó, ngân sách tài chính năm 2020 vẫn chỉ là tạm thời và sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 9 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trương Công Thắng
Ông Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiếu Quang
Ông Danny Le

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn
Ông Phạm Đình Toại

Ông Nguyễn Anh Nguyên
Bà Đinh Kim Nhung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 19 tháng 3 năm 2019)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 25 tháng 2 năm 2019)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 49 đến trang 105 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 49 đến trang 105.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00465-20-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.006.835.115.613	3.633.456.428.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.191.361.038.968	1.669.119.982.526
Tiền	111		148.761.038.968	114.319.982.526
Các khoản tương đương tiền	112		2.042.600.000.000	1.554.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		193.304.109.559	251.200.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	150.604.109.559	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	42.700.000.000	251.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.406.606.412.273	458.279.877.556
Phải thu của khách hàng	131	7	350.452.939.057	291.484.778.821
Trả trước cho người bán	132		192.751.825.681	149.743.969.504
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	1.805.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	58.401.647.535	17.051.129.231
Hàng tồn kho	140	10	1.168.106.286.708	1.215.429.352.783
Hàng tồn kho	141		1.213.146.818.871	1.263.207.672.163
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.040.532.163)	(47.778.319.380)
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.457.268.105	39.427.215.993
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.508.164.664	14.874.603.168
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.721.326.665	22.820.844.999
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		227.776.776	1.731.767.826

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		14.462.772.196.285	13.419.348.774.861
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.935.013.933.544	8.205.002.665.275
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	7.655.716.876.592	7.433.716.876.592
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	1.279.297.056.952	771.285.788.683
Tài sản cố định	220		4.156.809.070.021	4.077.188.360.222
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.306.841.235.689	3.087.400.141.923
<i>Nguyên giá</i>	222		6.155.131.133.166	5.519.548.816.735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.848.289.897.477)	(2.432.148.674.812)
Tài sản cố định vô hình	227	12	849.967.834.332	989.788.218.299
<i>Nguyên giá</i>	228		2.059.063.363.496	2.060.208.191.558
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.209.095.529.164)	(1.070.419.973.259)
Tài sản dở dang dài hạn	240		561.015.382.299	230.563.818.314
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	561.015.382.299	230.563.818.314
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	6(c)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		560.541.951.515	657.202.072.144
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	175.226.896.814	165.907.440.337
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	167.181.054.605	204.359.878.763
Lợi thế thương mại	269	16	218.134.000.096	286.934.753.044
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.469.607.311.898	17.052.805.203.719

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.062.640.263.873	6.171.592.731.916
Nợ ngắn hạn	310		7.743.867.535.929	5.917.949.750.813
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.098.800.884.640	996.132.919.346
Người mua trả tiền trước	312		42.571.451.835	48.883.742.075
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	396.613.184.666	283.813.387.948
Phải trả người lao động	314		444.487.500	286.388.185
Chi phí phải trả	315	19	1.050.521.768.150	1.267.088.936.129
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	18.906.590.903	19.702.381.860
Vay ngắn hạn	320	21(a)	5.113.137.141.496	3.279.081.068.531
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.872.026.739	22.960.926.739
Nợ dài hạn	330		318.772.727.944	253.642.981.103
Phải trả người bán dài hạn	331	17	31.012.774.000	36.330.147.040
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	23.977.149.720	20.101.628.673
Vay dài hạn	338	21(b)	126.321.105.544	41.142.136.776
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	122.925.355.852	140.455.807.864
Dự phòng phải trả dài hạn	342		14.536.342.828	15.613.260.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.406.967.048.025	10.881.212.471.803
Vốn chủ sở hữu	410	22	12.406.967.048.025	10.881.212.471.803
Vốn cổ phần	411	23	7.229.246.040.000	6.279.291.230.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		7.229.246.040.000	6.279.291.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	3.555.999.144.992	4.292.501.204.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	23	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		13.597.433.276	5.398.307.899
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.244.394.137.086	1.962.584.222.892
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		-	-
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước</i>	421b		3.244.394.137.086	1.962.584.222.892
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		247.026.608.088	224.733.821.437
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.469.607.311.898	17.052.805.203.719

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Q. Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	19.112.348.416.942	17.290.253.757.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	624.806.580.434	283.778.144.765
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	18.487.541.836.508	17.006.475.612.957
Giá vốn hàng bán	11	27	10.529.868.313.945	9.388.082.263.631
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		7.957.673.522.563	7.618.393.349.326
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	619.847.831.113	550.227.206.305
Chi phí tài chính	22	29	240.140.907.448	182.528.190.256
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		235.821.679.467	180.421.924.187
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		7.977.651.000	5.318.434.000
Chi phí bán hàng	25	30	3.015.180.960.649	3.284.879.798.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	817.391.573.893	793.223.583.936
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		4.512.785.562.686	3.913.307.416.776
Thu nhập khác	31		1.623.151.249	622.448.279
Chi phí khác	32		22.629.400.853	19.524.646.870
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(21.006.249.604)	(18.902.198.591)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.491.779.313.082	3.894.405.218.185
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	410.452.844.925	565.570.608.804
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	19.648.372.146	(68.644.808.241)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		4.061.678.096.011	3.397.479.417.622

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		4.061.678.096.011	3.397.479.417.622
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		4.026.490.967.694	3.367.089.339.533
Cổ đông không kiểm soát	62		35.187.128.317	30.390.078.089

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	5.727	4.826

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập: 

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng





Huỳnh Việt Thăng
Q. Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.491.779.313.082	3.894.405.218.185
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	683.647.896.253	685.883.152.709
Các khoản dự phòng	03	42.936.679.383	77.111.027.113
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(390.948.962)	(131.172.203)
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	12.235.608.058	14.496.001.037
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(612.432.646.819)	(546.923.962.024)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(7.977.651.000)	(5.318.434.000)
Chi phí lãi vay	06	235.821.679.467	180.421.924.187
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.845.619.929.462	4.299.943.755.004
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(106.580.652.628)	(20.673.206.465)
Biến động hàng tồn kho	10	3.309.468.770	(278.755.301.655)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(89.570.589.604)	571.272.430.854
Biến động chi phí trả trước	12	29.075.228.514	31.856.346.083
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(150.604.109.559)	-
		4.531.249.274.955	4.603.644.023.821
Tiền lãi vay đã trả	14	(226.368.531.574)	(178.714.103.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(336.494.660.239)	(525.263.590.831)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(88.900.000)	(82.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	3.968.297.183.142	3.899.584.329.845

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.134.946.239.050)	(419.735.286.269)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	23.989.791.915	2.645.551.428
Tiền chi cho vay	23	(2.132.000.000.000)	(4.637.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	105.000.000.000	3.100.000.000.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác	23	(42.700.000.000)	(756.211.720.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản đầu tư khác	24	251.200.000.000	659.270.440.000
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong một công ty con	25	-	(1.612.925.442.493)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	99.441.361.113	146.796.478.068
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(2.830.015.086.022)	(3.517.159.979.266)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	213.452.750.000	52.408.270.000
Tiền thu từ vốn góp vào một công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31	-	76.343.325.699
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	17.077.918.308.831	13.076.955.605.131
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(15.158.706.453.498)	(13.240.408.311.688)
Tiền trả cổ tức	36	(2.758.135.382.300)	(2.916.727.251.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(625.470.776.967)	(2.951.428.362.058)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	512.811.320.153	(2.569.004.011.479)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.669.119.982.526	4.235.913.074.249
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	638.064.939	1.991.773.485
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	8.791.671.350	219.146.271
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	2.191.361.038.968	1.669.119.982.526

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập: 

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng



Huỳnh Việt Thăng
Q. Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cấu trúc Tập đoàn

(d)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 14 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Số Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
1 Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2 Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3 Masan Consumer (Thailand) Limited ("MTH")	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisiri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4 Công ty TNHH Masan HPC ("HPC")	(vi) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-	100%	-
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
1 Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
2 Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3 Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4 Công ty TNHH Masan Long An	(i), (v) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thanh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	-	100%	-
5 Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tú Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6 Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7 Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8 Công ty Cổ phần Masan JinJu	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Nhà xưởng F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	74,99%	74,99%	74,99%	74,99%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm quyền kinh tế tại ngày			
			31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
9 Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10 Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,49%	98,49%	98,49%	98,49%
11 Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	88,56%	88,56%	88,56%	88,56%
12 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	88,55%	88,55%	99,99%	99,99%
13 Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
14 Công ty Cổ phần Café De Nam	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C.I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	83,72%	83,72%	85%	85%
Một công ty liên kết						
1 Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/1, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Café De Nam được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.
- (v) Công ty TNHH Masan Long An được thành lập vào ngày 23 tháng 1 năm 2019 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101905952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.
- (vi) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) được thành lập vào ngày 20 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316076125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 4.596 nhân viên (1/1/2019: 4.418 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 202"), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoả vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông ("Cổ đông Kiểm soát") trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã căn nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn để cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của năm báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» nhà cửa	4 – 30 năm
» nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
» thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
» máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
» phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm

(i) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- » quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- » quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- » quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) **Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 30 năm.

(iv) **Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 20 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) **Quan hệ khách hàng**

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) **Tài nguyên nước khoáng**

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 37 năm.

(j) **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn chủ sở hữu

(I) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan để cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành ba bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Các bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	12.880.154.993.002	5.596.076.690.655	11.310.152.851	18.487.541.836.508
Lợi nhuận gộp của bộ phận	5.436.802.789.396	2.516.572.339.086	4.298.394.081	7.957.673.522.563
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.421.156.809.143	1.233.740.545.776	4.298.394.081	4.659.195.749.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(526.117.109.979)
Doanh thu hoạt động tài chính				619.847.831.113
Chi phí tài chính				(240.140.907.448)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				4.512.785.562.686
Thu nhập khác				1.623.151.249
Chi phí khác				(22.629.400.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(430.101.217.071)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.061.678.096.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	11.874.983.235.887	5.124.368.362.689	7.124.014.381	17.006.475.612.957
Lợi nhuận gộp của bộ phận	5.430.802.162.227	2.184.125.405.213	3.465.781.886	7.618.393.349.326
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.135.188.405.696	912.573.078.728	3.465.781.886	4.051.227.266.310
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(505.618.865.583)
Doanh thu hoạt động tài chính				550.227.206.305
Chi phí tài chính				(182.528.190.256)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				3.913.307.416.776
Thu nhập khác				622.448.279
Chi phí khác				(19.524.646.870)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(496.925.800.563)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.397.479.417.622

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm và Đồ uống bao gồm phân bổ lợi thế thương mại với số tiền là 68.801 triệu VND (2018: 68.801 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 99.380 triệu VND (2018: 99.380 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 2.304 triệu VND (2018: 2.304 triệu VND) trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Thực phẩm VND	Đổ ướng VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	4.083.749.822.511	2.296.906.092.277	6.380.655.914.788
Tài sản không phân bổ			14.088.951.397.110
Tổng tài sản			20.469.607.311.898
Nợ phải trả bộ phận	1.251.917.157.075	578.553.540.514	1.830.470.697.589
Nợ phải trả không phân bổ			6.232.169.566.284
Tổng nợ phải trả			8.062.640.263.873
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Chi tiêu vốn	927.074.405.715	217.885.157.004	1.144.959.562.719
Chi tiêu vốn không phân bổ			6.925.301.473
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	325.196.656.875	136.964.228.518	462.160.885.393
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ			13.251.206.371
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	40.732.287.383	171.873.955.214	212.606.242.597
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ			38.637.098.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	Thực phẩm VND	Đổ ướng VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	3.835.715.748.143	2.403.268.880.343	6.238.984.628.486
Tài sản không phân bổ			10.813.820.575.233
Tổng tài sản			17.052.805.203.719
Nợ phải trả bộ phận	1.202.580.551.720	703.376.472.523	1.905.957.024.243
Nợ phải trả không phân bổ			4.265.635.707.673
Tổng nợ phải trả			6.171.592.731.916
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Chi tiêu vốn	379.827.146.442	46.476.952.249	426.304.098.691
Chi tiêu vốn không phân bổ			5.428.564.163
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	335.737.249.506	128.262.138.944	463.999.388.450
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ			13.337.032.631
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	37.337.963.800	172.885.985.858	210.223.949.658
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ			40.655.926.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.191.361.038.968	1.669.119.982.526
Đầu tư tài chính ngắn hạn	193.304.109.559	251.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	2.279.713.485.812	259.606.654.888
Hàng tồn kho	18.913.241.302	23.776.215.967
Tài sản ngắn hạn khác	8.375.246.768	6.789.974.459
Các khoản phải thu dài hạn thuần	8.935.013.933.544	8.205.002.665.275
Tài sản cố định	143.392.635.606	186.339.598.041
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	148.438.022.492	2.839.037.507
Tài sản dài hạn khác	170.439.683.059	209.146.446.570
Tài sản không phân bổ	14.088.951.397.110	10.813.820.575.233
Phải trả người bán ngắn hạn	111.738.903.670	72.388.141.632
Người mua trả tiền trước	40.813.457.140	41.014.853.528
Thuế phải nộp Nhà nước	314.538.912.925	229.976.372.478
Phải trả người lao động	6.994.718	-
Chi phí phải trả	393.178.617.202	450.243.494.641
Phải trả ngắn hạn khác	9.509.077.737	11.333.832.223
Vay ngắn hạn	5.113.137.141.496	3.279.081.068.531
Vay dài hạn	126.321.105.544	41.142.136.776
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	122.925.355.852	140.455.807.864
Nợ phải trả không phân bổ	6.232.169.566.284	4.265.635.707.673

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	879.088.937	1.319.699.580
Tiền gửi ngân hàng	147.881.950.031	113.000.282.946
Các khoản tương đương tiền	2.042.600.000.000	1.554.800.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	2.191.361.038.968	1.669.119.982.526

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	150.604.109.559	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	42.700.000.000	251.200.000.000
	193.304.109.559	251.200.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	249.391.858.906	249.391.858.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019			1/1/2019				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	15.000	150.604.109.559	(*)	-	-	-	(*)	-

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	42.700.000.000	251.200.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2019			1/1/2019		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("CLX"). Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	7.977.651.000
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(7.977.651.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu từ bên thứ ba	240.677.424.572	172.726.144.782
Phải thu từ các bên liên quan	109.775.514.485	118.758.634.039
	350.452.939.057	291.484.778.821

Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ một bên liên quan	605.000.000.000	-
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn phải thu trong vòng 12 tháng	1.200.000.000.000	-
	1.805.000.000.000	-

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 6,5% trong năm (2018: không). Các khoản cho vay này sẽ đến hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2020. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của các khoản cho vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan	8.855.716.876.592	7.433.716.876.592
Phải thu trong vòng 12 tháng	(1.200.000.000.000)	-
	7.655.716.876.592	7.433.716.876.592

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 6,5% một năm). Các khoản cho vay này sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các các bên liên quan:		
- Lãi dự thu (*)	215.479.452	-
- Phải thu khác (**)	7.974.881.347	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	4.732.801.372	5.694.530.137
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.161.263.440	4.096.877.250
Phải thu khác	22.317.221.924	7.259.721.844
	58.401.647.535	17.051.129.231

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	1.266.117.523.166	744.335.693.311
Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.179.533.786	26.950.095.372
	1.279.297.056.952	771.285.788.683

(*) Đây là các khoản thu nhập tiền lãi phải thu từ các khoản cho một bên liên quan vay. Xem thêm Thuyết minh 8 và 34 để biết thêm thông tin.

(**) Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi có nhu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	39.200.952.879	-	46.162.485.789	-
Nguyên vật liệu	514.490.943.045	(9.278.563.393)	571.181.399.445	(12.384.740.374)
Công cụ và dụng cụ	84.034.742.534	(22.655.998.920)	77.707.709.750	(25.918.601.266)
Sản phẩm dở dang	89.589.748.640	-	93.507.831.475	-
Thành phẩm	459.594.578.664	(13.105.969.850)	465.386.443.069	(9.474.977.740)
Hàng hóa	26.235.853.109	-	9.261.802.635	-
	1.213.146.818.871	(45.040.532.163)	1.263.207.672.163	(47.778.319.380)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	47.778.319.380	6.956.250.034
Tăng dự phòng trong năm	49.020.733.518	74.849.185.249
Sử dụng dự phòng trong năm	(46.751.384.522)	(33.478.027.100)
Hoàn nhập	(5.007.136.213)	(549.088.803)
Số dư cuối năm	45.040.532.163	47.778.319.380

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 45.041 triệu VND (1/1/2019: 47.778 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà của VND	Nâng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.489.020.112.948	62.791.110.984	67.770.850.119	3.883.660.819.875	16.305.922.809	5.519.548.816.735
Tăng trong năm	-	-	880.172.727	5.447.741.047	234.500.000	6.562.413.774
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	142.990.721.039	-	14.022.880.180	546.791.626.841	1.113.505.818	704.918.733.878
Thanh lý	(8.634.371.405)	-	(331.620.000)	(57.186.457.727)	(1.178.404.739)	(67.330.853.871)
Xóa sổ	(633.800.182)	(3.181.386.443)	(38.139.997)	(4.714.650.728)	-	(8.567.977.350)
Số dư cuối năm	1.622.742.662.400	59.609.724.541	82.304.143.029	4.373.999.079.308	16.475.523.888	6.155.131.133.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	380.976.732.815	40.387.664.673	43.297.075.176	1.957.572.653.742	9.914.548.406	2.432.148.674.812
Khấu hao trong năm	76.990.362.668	10.451.709.067	7.861.747.193	378.120.318.502	1.987.954.334	475.412.091.764
Thanh lý	(4.161.568.953)	-	(295.535.765)	(45.122.218.405)	(1.159.902.376)	(50.739.225.499)
Xóa sổ	(601.794.344)	(3.181.386.443)	(38.139.997)	(4.710.322.816)	-	(8.531.643.600)
Số dư cuối năm	453.203.732.186	47.657.987.297	50.825.146.607	2.285.860.431.023	10.742.600.364	2.848.289.897.477
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.108.043.380.133	22.403.446.311	24.473.774.943	1.926.088.166.133	6.391.374.403	3.087.400.141.923
Số dư cuối năm	1.169.538.930.214	11.951.737.244	31.478.996.422	2.088.138.648.285	5.732.923.524	3.306.841.235.689

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 941.930 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 525.507 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 4.311 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 661 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền đất sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	291.679.837.825	74.275.043.548	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.060.208.191.558
Tăng trong năm	-	-	614.445.000	-	-	-	614.445.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.192.630.138	-	-	-	-	1.192.630.138
Xóa sổ	-	(186.472.000)	-	-	-	-	(186.472.000)
Khác	-	-	(2.765.431.200)	-	-	-	(2.765.431.200)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	292.685.995.963	72.124.057.348	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.059.063.363.496
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	33.593.413.253	132.428.255.902	17.816.120.482	452.121.610.933	361.062.785.581	73.397.787.108	1.070.419.973.259
Khấu hao trong năm	3.730.881.408	35.292.607.029	3.445.185.084	66.892.868.504	8.138.841.240	21.934.668.276	139.435.051.541
Xóa sổ	-	(183.364.136)	-	-	-	-	(183.364.136)
Khác	-	-	(576.131.500)	-	-	-	(576.131.500)
Số dư cuối năm	37.324.294.661	167.537.498.795	20.685.174.066	519.014.479.437	369.201.626.821	95.332.455.384	1.209.095.529.164
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	85.492.405.149	159.251.581.923	56.458.923.066	306.233.205.638	43.052.126.120	339.299.976.403	989.788.218.299
Số dư cuối năm	81.761.523.741	125.148.497.168	51.438.883.282	239.340.337.134	34.913.284.880	317.365.308.127	849.967.834.332

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 13.903 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 12.683 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2019 VND
Số dư đầu năm	230.563.818.314
Tăng trong năm	1.076.970.851.624
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(704.918.733.878)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.192.630.138)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(38.807.923.623)
Thanh lý	(1.600.000.000)
Số dư cuối năm	561.015.382.299

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhà cửa	163.696.599.205	51.142.314.446
Máy móc và thiết bị	393.877.289.405	170.826.924.213
Khác	3.441.493.689	8.594.579.655
	561.015.382.299	230.563.818.314

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	83.573.099.578	21.940.598.076	60.393.742.683	165.907.440.337
Tăng trong năm	-	-	16.938.625.142	16.938.625.142
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	38.807.923.623	38.807.923.623
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(2.199.033.814)	(2.199.033.814)
Thanh lý	-	-	(13.131.945)	(13.131.945)
Xóa sổ	-	-	(1.268.559.951)	(1.268.559.951)
Phân bổ trong năm	(2.096.255.810)	(3.134.371.152)	(37.776.909.623)	(43.007.536.585)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	61.170.007	61.170.007
Số dư cuối năm	81.476.843.768	18.806.226.924	74.943.826.122	175.226.896.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2019		1/1/2019	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	78.071.356.273	-	114.386.918.462	-
Chi phí kho vận	20.249.218.279	-	22.614.175.812	-
Chiết khấu thương mại	15.300.614.186	-	15.665.716.716	-
Chi phí khác	32.633.676.221	-	34.872.162.934	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	20.926.189.646	-	16.820.904.839	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(1.715.720.897)	-	(2.176.548.351)
Tài sản cố định vô hình	-	(121.209.634.955)	-	(138.279.259.513)
	167.181.054.605	(122.925.355.852)	204.359.878.763	(140.455.807.864)

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2019 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	693.961.414.227
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	407.026.661.183
Phân bổ trong năm	68.800.752.948
Số dư cuối năm	475.827.414.131
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	286.934.753.044
Số dư cuối năm	218.134.000.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.098.800.884.640	1.098.800.884.640	996.132.919.346	996.132.919.346
Dài hạn	31.012.774.000	31.012.774.000	36.330.147.040	36.330.147.040
	1.129.813.658.640	1.129.813.658.640	1.032.463.066.386	1.032.463.066.386

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên liên quan	137.149.487	137.149.487	21.466.478.463	21.466.478.463

Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	90.568.054.907	3.516.633.228.704	(618.896.535.692)	(2.858.862.465.114)	(720.340.161)	128.721.942.644
Thuế xuất nhập khẩu	-	67.222.301.218	(67.222.301.218)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.659.535.489	410.452.844.925	(336.494.660.239)	-	(381.768.043)	261.235.952.132
Thuế thu nhập cá nhân	4.782.620.100	100.321.841.827	(98.924.818.385)	(1.132.645.462)	-	5.046.998.080
Các loại thuế khác	803.177.452	152.263.004.325	(151.457.889.967)	-	-	1.608.291.810
	283.813.387.948	4.246.893.220.999	(1.272.996.205.501)	(2.859.995.110.576)	(1.102.108.204)	396.613.184.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	399.744.128.894	614.724.035.713
Thưởng và lương tháng 13	191.561.147.482	207.212.703.794
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	106.831.303.129	79.962.098.326
Chi phí kho vận	102.587.946.588	113.070.879.061
Chiết khấu thương mại	76.503.070.931	78.328.583.580
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.390.765.712	30.029.665.406
Chi phí trưng bày	26.709.655.659	41.161.828.771
Chi phí lãi vay	23.039.377.277	10.404.139.017
Chi phí công nghệ thông tin	19.670.592.138	24.222.864.545
Chi phí nghiên cứu thị trường	8.829.022.402	15.950.411.147
Chi phí khác	65.654.757.938	52.021.726.769
	1.050.521.768.150	1.267.088.936.129

20. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	9.795.063.144	10.382.636.512
Cổ tức phải trả	4.953.578.500	5.513.547.300
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	691.442.500	1.820.079.403
Phải trả khác	3.466.506.759	1.986.118.645
	18.906.590.903	19.702.381.860

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	23.977.149.720	20.101.628.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm				
	1/1/2019	31/12/2019			Số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	3.225.710.840.556	16.896.247.974.022	(15.012.800.900.980)	23.186.400	5.109.181.099.998
Vay dài hạn đến hạn trả	53.370.227.975	3.956.041.498	(53.370.227.975)	-	3.956.041.498
	3.279.081.068.531	16.900.204.015.520	(15.066.171.128.955)	23.186.400	5.113.137.141.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay ngắn hạn				
- Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,20% - 6,50%	253.381.310.075	138.876.285.706
- Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	4,98%	17.954.002.400	-
- Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	5,25% - 6,30%	4.837.845.787.523	3.086.834.554.850
			5.109.181.099.998	3.225.710.840.556

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, khoản vay ngân hàng có đảm bảo bằng VND của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	130.277.147.042	94.512.364.751
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(3.956.041.498)	(53.370.227.975)
Hoàn trả sau 12 tháng	126.321.105.544	41.142.136.776

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn					
- Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	7,60% - 8,00%	2024	130.277.147.042	94.512.364.751

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 114.055 triệu VND (1/1/2019: 550.516 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.431.327.770.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	2.951.013.886	22.731.972.844	2.226.022.362.372	466.766.233.907	11.331.827.459.740
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 23)	52.408.270.000	-	-	-	-	-	-	-	52.408.270.000
Phát hành cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 23)	795.555.190.000	(795.555.190.000)	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	3.367.089.339.533	30.390.078.089	3.397.479.417.622
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	(2.363.097.496.500)	-	(2.363.097.496.500)
Mua thêm NCI	-	-	-	-	-	-	(1.301.506.857.458)	(311.418.585.035)	(1.612.925.442.493)
Góp vốn vào một công ty con bởi NCI	-	-	-	-	-	-	34.076.874.945	42.266.450.754	76.343.325.699
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(3.270.360.000)	(3.270.360.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	2.447.294.013	-	-	3.722	2.447.297.735
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6.279.291.230.000	4.292.501.204.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	5.398.307.899	22.731.972.844	1.962.584.222.892	224.733.821.437	10.881.212.471.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.279.291.230.000	4.292.501.204.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	5.398.307.899	22.731.972.844	1.962.584.222.892	224.733.821.437	10.881.212.471.803
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 23)	30.493.250.000	182.959.500.000	-	-	-	-	-	-	213.452.750.000
Phát hành cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 23)	919.461.560.000	(919.461.560.000)	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.026.490.967.694	35.187.128.317	4.061.678.096.011
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	(2.744.681.053.500)	-	(2.744.681.053.500)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(12.894.360.000)	(12.894.360.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	8.199.125.377	-	-	18.334	8.199.143.711
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.597.433.276	22.731.972.844	3.244.394.137.086	247.026.608.088	12.406.967.048.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. VỐN CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU QUỸ VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	722.924.604	7.229.246.040.000	627.929.123	6.279.291.230.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	704.924.604	7.049.246.040.000	609.929.123	6.099.291.230.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.555.999.144.992		4.292.501.204.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của vốn cổ phần hiện đang lưu hành như sau:

	2019		2018	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	609.929.123	6.099.291.230.000	525.132.777	5.251.327.770.000
Phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá bằng tiền	3.049.325	30.493.250.000	5.240.827	52.408.270.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	91.946.156	919.461.560.000	79.555.519	795.555.190.000
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	704.924.604	7.049.246.040.000	609.929.123	6.099.291.230.000

Trong tháng 8 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành 91.946.156 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty. Việc phát hành đã được hoàn tất trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. CỔ TỨC

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2019 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 2.744.681 triệu VND (2018: 2.363.097 triệu VND).

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng 1 năm	88.334.758.722	127.765.788.160
Trong vòng 2 đến 5 năm	57.287.781.876	75.685.864.262
Trên 5 năm	7.213.800.997	-
	152.836.341.595	203.451.652.422

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.808.028	41.783.522.492	740.958	17.145.755.322
THB	64.860.758	48.775.425.240	83.683.037	58.076.027.338
		90.558.947.732		75.221.782.660

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	320.148.956.940	515.280.553.275
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	512.013.807.783	758.931.378.098
	832.162.764.723	1.274.211.931.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và doanh thu khác, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
- Bán hàng	19.081.408.491.238	17.261.137.304.354
- Doanh thu khác	30.939.925.704	29.116.453.368
	19.112.348.416.942	17.290.253.757.722
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	570.855.433.993	239.691.062.886
- Hàng bán bị trả lại	53.951.146.441	44.087.081.879
	624.806.580.434	283.778.144.765
Doanh thu thuần	18.487.541.836.508	17.006.475.612.957

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
- Hàng đã bán	10.429.761.634.451	9.273.923.412.036
- Giá vốn khác	56.093.082.189	39.858.755.149
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	44.013.597.305	74.300.096.446
	10.529.868.313.945	9.388.082.263.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	521.997.309.307	409.296.925.742
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	90.435.337.512	131.269.502.036
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.376.361.894	3.116.696.530
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư cho vay khác	-	6.357.534.246
Thu nhập khác	1.038.822.400	186.547.751
	619.847.831.113	550.227.206.305

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	235.821.679.467	180.421.924.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.916.653.025	2.041.801.876
Chi phí khác	1.402.574.956	64.464.193
	240.140.907.448	182.528.190.256

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.738.379.742.428	2.128.550.544.726
Chi phí kho vận	640.797.826.593	608.104.871.347
Chi phí nhân viên	341.570.052.006	268.328.446.207
Chi phí trưng bày	165.437.085.533	162.483.454.654
Chi phí nghiên cứu thị trường	48.271.689.310	37.646.182.924
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	43.738.653.957	41.922.414.884
Chi phí khác	36.985.910.822	37.843.883.921
	3.015.180.960.649	3.284.879.798.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	383.656.017.869	371.230.840.746
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	101.683.757.256	101.683.757.256
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	71.254.406.558	81.263.158.513
Phân bổ lợi thế thương mại	68.800.752.948	68.800.752.948
Chi phí thuê văn phòng	59.450.205.225	53.690.994.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.440.299.133	46.464.630.264
Chi phí nghiên cứu và phát triển	26.873.149.711	15.198.148.028
Chi phí khác	59.232.985.193	54.891.301.511
	817.391.573.893	793.223.583.936

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	483.897.502.108	566.854.850.985
Dự phòng thừa trong những năm trước	(73.444.657.183)	(1.284.242.181)
	410.452.844.925	565.570.608.804
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	19.648.372.146	(68.644.808.241)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	430.101.217.071	496.925.800.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.491.779.313.082	3.894.405.218.185
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	898.355.862.616	778.881.043.637
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(401.087.322.818)	(306.861.679.110)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(1.595.530.200)	(1.063.686.798)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.450.847.210	6.709.833.116
Dự phòng thừa trong những năm trước	(73.444.657.183)	(1.284.242.181)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	13.760.150.590	13.760.150.590
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(13.338.133.144)	6.784.381.309
	430.101.217.071	496.925.800.563

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 4.026.491 triệu VND (2018: VND3.367.089 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 703.079.973 (2018: 697.753.008), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.026.490.967.694	3.367.089.339.533

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2019	2018 (đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	609.929.123	525.132.777
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	1.445.297	2.469.650
	611.374.420	527.602.427
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm	91.705.553	170.150.581
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	703.079.973	697.753.008

Trong tháng 8 năm 2019, Công ty đã phát hành 91.946.156 cổ phiếu phổ thông làm cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

Cổ phiếu phổ thông phát hành vào đầu năm 2018 và 2019 đã được điều chỉnh để phản ánh số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2019. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh các cổ phiếu thưởng này.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.727	4.826

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	162.257.134	33.207.236	-	-
	3.383.713.619	4.996.948.188	3.647.590.054	5.496.643.007
Công ty mẹ				
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	2.132.000.000.000	4.337.000.000.000	9.460.716.876.592	7.433.716.876.592
	105.000.000.000	2.800.000.000.000	-	-
	521.997.309.507	409.296.925.742	1.266.333.002.618	744.335.693.311
	2.611.289.133.000	2.270.686.203.000	-	-
	2.611.289.133.000	2.270.686.203.000	-	-
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thực phẩm CholimeX	7.977.651.000	5.318.434.000	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Masan Brewery	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Masan Master Brewer	1.261.868	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	44.454.161	33.680.677	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	3.192.744	2.299.953.474	-	2.527.369.828
	Hàng bán bị trả lại	1.194.673.977	-	-	-
	Trả trước tiến hàng	146.127.485	-	146.127.485	-
	Mua hàng hóa	1.164.332.377	46.151.538.108	-	(20.804.520.370)
	Phí hỗ trợ quản lý	43.899.198.611	25.966.703.930	76.560.997.745	60.624.394.654
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	96.562.265	23.114.838	-	-
	Trả hàng hóa đã mua	56.122.834	-	-	-
	Mua hàng hóa	41.850.264	55.827.750	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.422.504.715	2.552.138.546	3.901.450.010	2.745.941.875
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery MB	Bán tài sản cố định	-	19.240.043.103	-	21.164.047.413
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa	32.324.909	52.760.545	6.587.800	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.516.609.673	5.401.497.275	1.851.733.472	2.821.114.056
Công ty TNHH MNS Feed Tiến Giang	Phí hỗ trợ quản lý	1.072.868.060	1.413.647.105	565.193.852	617.822.920
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	Bán hàng hóa	32.096.545	29.696.909	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	879.568.987	1.317.783.118	463.338.369	498.242.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	Phí hỗ trợ quản lý	1.121.192.828	1.510.709.543	590.657.722	637.208.299
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	Phí hỗ trợ quản lý	884.076.132	1.074.951.181	465.644.364	507.005.940
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	Bán hàng hóa	40.491.636	41.116.909	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.386.854.782	1.606.391.239	730.275.716	804.869.783
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	Bán hàng hóa	-	14.472.982	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	4.576.729.011	3.096.357.943	2.678.874.657	986.100.091
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa	77.160.181	71.593.600	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	5.709.464.606	10.571.231.250	3.005.475.157	5.131.224.940
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	Phí hỗ trợ quản lý	2.411.943.046	2.483.411.874	1.269.531.065	1.411.327.932
Công ty TNHH Một Thành viên Con cò Bình Định	Phí hỗ trợ quản lý	1.284.195.718	1.671.915.669	676.273.315	736.957.268
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	Bán hàng hóa	8.100.000	5.238.000	5.610.000	-
	Phí hỗ trợ quản lý	124.649.821	761.002.325	66.007.008	34.718.341
Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science)	Bán hàng hóa	6.555.636	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	9.406.249.966	6.247.128.302	5.009.393.771	6.871.841.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	Bán hàng hóa	471.970.785	20.766.928	116.949.047	7.912.200
	Bán tài sản cố định	3.654.510.255	129.833.333	1.372.172.193	-
	Mua hàng hóa	783.539.872	-	(137.149.487)	-
	Mua tài sản cố định	108.194.443	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	9.777.468.782	1.327.010.547	5.856.548.984	1.459.711.602
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.366.258.009	1.072.107.209	75.409.765	86.225.766
	Phí hỗ trợ quản lý	2.762.610.442	3.261.776.530	2.992.606.068	3.587.954.183
Công ty Cổ phần Masan Blue	Bán hàng hóa	3.642.299.383	-	3.302.403.296	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.451.627.991	-	1.539.672.402	-
Jinlu Ham Company Limited	Mua hàng hóa	1.681.890.570	9.309.912.853	-	(661.958.093)
	Góp vốn	-	76.343.325.699	-	-
	Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	56.489.181.007	49.160.905.351	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong tháng 2 năm 2020, HPC, một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty đã hoàn tất việc mua 11.703.630 cổ phiếu (tương đương với 52,25% lợi ích) trong Công ty Cổ phần Bột giặt Net ("NET"). NET là một trong các doanh nghiệp nội địa về sản phẩm chăm sóc gia đình. Kết quả của việc mua lại này dẫn đến NET đã trở thành một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Người lập: 



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Q.Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

LỊCH SỬ CÔNG TY

1996

- ◇ Ngày 01/04/1996: Masan đã thành lập một Công ty tại Nga để nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm thực phẩm ở thị trường Đông Âu.
- ◇ Ngày 20/06/1996: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến, chuyên sản xuất thực phẩm chế biến và các sản phẩm ngành gia vị.

2000

- ◇ Ngày 31/05/2000: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.

2003

- ◇ Ngày 01/08/2003: Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến sáp nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Ma San (Công ty), với tổng vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.

2004

- ◇ Ngày 14/06/2004: Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng.

2006

- ◇ Ngày 20/07/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 72.250.000.000 đồng.
- ◇ Ngày 14/09/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 85.000.000.000 đồng.

2012

- ◇ Ngày 08/06/2012: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.025.000.000.000 đồng.
- ◇ Tháng 12/2012: Công ty mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 53,20%.

2011

- ◇ Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San.
- ◇ Ngày 15/04/2011: Công ty phát hành cổ phiếu phổ thông cho KKR tương đương 10% vốn điều lệ sau phát hành.
- ◇ Ngày 20/07/2011: Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.500.000.000.000 đồng.
- ◇ Ngày 17/10/2011 và ngày 04/11/2011, Công ty mua 50,25% cổ phần Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

2010

- ◇ Ngày 29/09/2010: Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.300.000.000.000 đồng.

2009

- ◇ Ngày 11/06/2009: Công ty tăng vốn điều lệ lên 630.000.000.000 đồng.
- ◇ Ngày 01/07/2009: Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính) và sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hóa chất cơ bản).
- ◇ Ngày 22/12/2009: Công ty thay đổi trụ sở đến Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

2008

- ◇ Ngày 10/05/2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 257.191.230.000 đồng.
- ◇ Ngày 11/12/2008: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

2007

- ◇ Ngày 28/02/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 113.395.360.000 đồng.
- ◇ Ngày 25/12/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 138.395.360.000 đồng.

LỊCH SỬ CÔNG TY (tiếp theo)

2013

- ◇ Ngày 01/02/2013: Công ty mua thành công 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- ◇ Ngày 06/02/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.253.409.090.000 đồng, phát hành thêm cho cổ đông chiến lược KKR tương đương 4,35% vốn điều lệ sau khi phát hành, nâng tổng số cổ phiếu sở hữu của KKR lên 18,04%.
- ◇ Ngày 27/03/2013: Công ty mua 38,61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 63,51%.
- ◇ Ngày 01/07/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.273.359.100.000 đồng

2014

- ◇ Ngày 27/06/2014: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.313.263.220.000 đồng.
- ◇ Ngày 30/12/2014: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan - công ty con của Công ty chào mua thành công 32,84% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

2015

- ◇ Ngày 14/01/2015: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan - công ty con của Công ty mua 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn.
- ◇ Ngày 10/06/2015: Công ty thay đổi tên thành "CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN"
- ◇ Ngày 06/08/2015: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.351.601.170.000 đồng.
- ◇ Ngày 25/12/2015: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - công ty con của Công ty hoàn tất mua 65% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh.

2016

- ◇ Ngày 06/01/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - Công ty con của Công ty hoàn tất việc mua thêm 20,29% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 84,23%.
- ◇ Ngày 22/02/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage cũng nâng sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 60,16%.
- ◇ Ngày 28/04/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage mua thêm 4,32% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 88,56%.
- ◇ Ngày 23/05/2016: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa mua 85% cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN – một công ty hoạt động trong ngành hàng cà phê.
- ◇ Ngày 21/06/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan thành lập công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nam Ngu Phú Quốc tại Phú Quốc.
- ◇ Ngày 08/07/2016: một công ty con của Công ty là Masan Consumer (Thailand) Limited được thành lập tại Thái Lan.
- ◇ Ngày 04/08/2016: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.381.601.170.000 đồng.
- ◇ Tháng 10/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Masan PQ lên 99,99%.
- ◇ Đầu tháng 12/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 68,46% thông qua việc chào mua công khai.

2019

- ◇ Ngày 30/07/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.309.784.480.000 đồng
- ◇ Ngày 12/09/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 7.229.246.040.000 đồng
- ◇ Tháng 12/2019, Masan HPC, một công ty thành viên thuộc ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình, đã chào mua tối đa 60% cổ phần của Công ty cổ phần Bột giặt Net ("NET-CO") với giá 48.000 đồng/cổ phiếu. Kết quả của việc chào mua này là Masan HPC đã sở hữu 52,25% cổ phiếu NET vào đầu năm 2020. Giao dịch này nhất quán với chiến lược 5 năm của Masan nhằm mở rộng danh mục sản phẩm để phục vụ thị trường gần 100 triệu dân.

2018

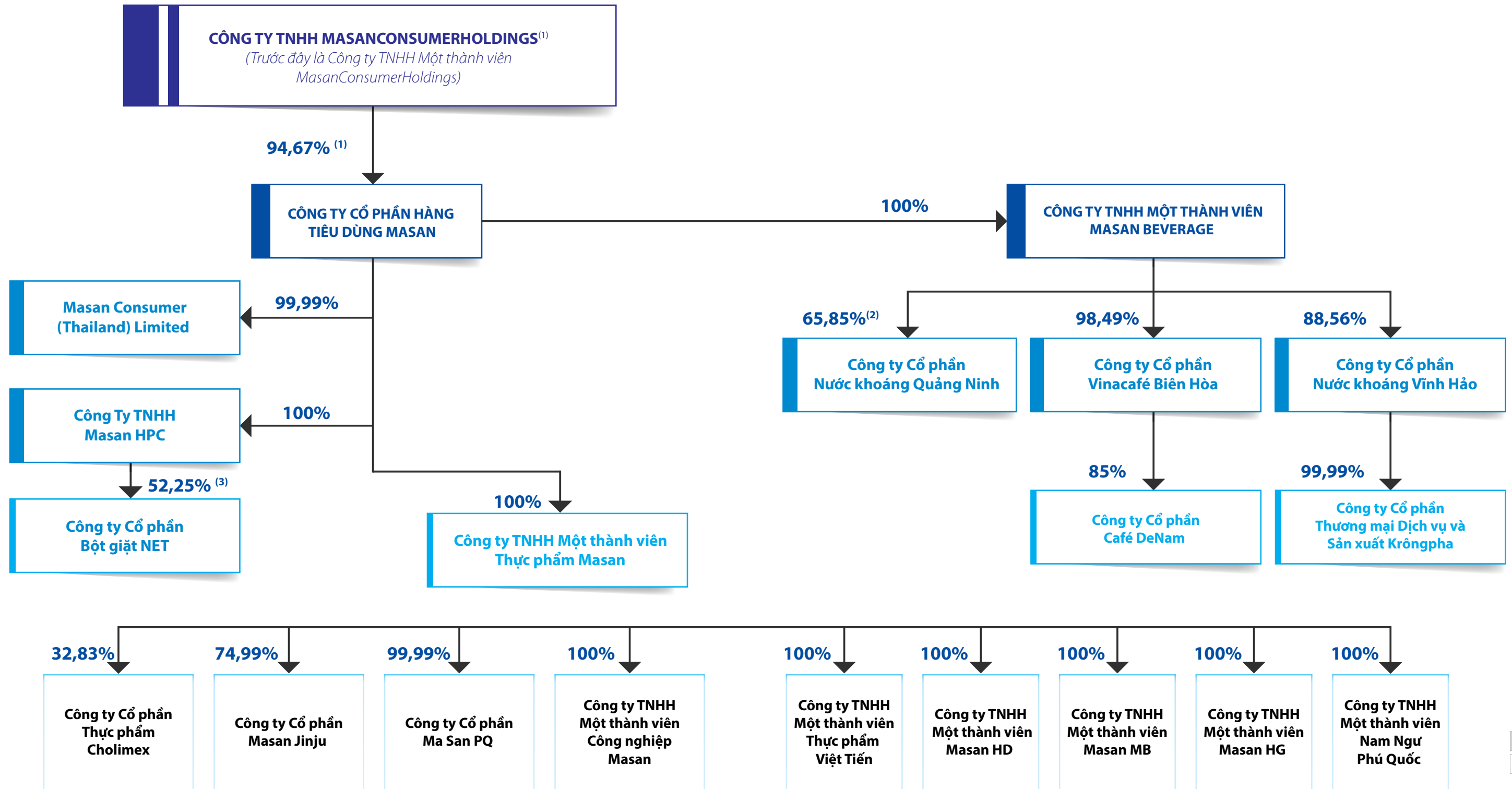
- ◇ Ngày 05/02/2018: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tiếp tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 98,49% thông qua việc chào mua công khai.
- ◇ Năm 2018, Công ty cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn ("SNF") đã ký hợp tác chiến lược với Công ty Jinju Ham ("Jinju Ham") - một công ty sản xuất thịt chế biến có thương hiệu hàng đầu Hàn Quốc. Jinju Ham đã mua 25% cổ phần của SNF thông qua đợt chào bán cổ phiếu sơ cấp và SNF sẽ được đổi tên thành "Masan Jinju".
- ◇ Ngày 26/07/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.483.736.040.000 đồng.
- ◇ Ngày 14/09/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.279.291.230.000 đồng.

2017

- ◇ Ngày 02/08/2017: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.431.327.770.000 đồng

CẤU TRÚC CÔNG TY

Vào ngày 31/12/2019, nếu khác ngày này thì sẽ được cung cấp thêm thông tin. Tên pháp lý đầy đủ sẽ được cung cấp tại Báo cáo tài chính kiểm toán



⁽¹⁾ Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019, hiện nay tỷ lệ sở hữu là 94,99%

⁽²⁾ Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019.

⁽³⁾ Ngày sở hữu là ngày 19/02/2020

TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Trương Công Thắng**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Danny Le**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Đại học

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Yến**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Đại học

Họ và tên: **Nguyễn Thiệu Quang**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Đại học

Họ và tên: **Nguyễn Đăng Quang**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

Ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Quỳnh Lâm**
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Đại học

Kiểm soát viên

Họ và tên: **Đoàn Thị Mỹ Duyên**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Họ và tên: **Đỗ Thị Hoàng Yến**
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Đại học

Ban Giám đốc

Ông **Trương Công Thắng**
Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Đình Toại**
Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 20/03/2019)

Bà **Nguyễn Hoàng Yến**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Anh Nguyên**
Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 13/04/2020)

Ông **Phạm Hồng Sơn**
Phó Tổng Giám đốc

Bà **Đinh Kim Nhung**
Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 25/02/2019)

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nguồn số liệu được tính đến ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) ⁽¹⁾
Trương Công Thắng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Nguyễn Đăng Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.417	0,004%
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	758.576	0,10%
Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	145.776	0,02%
Danny Le	Thành viên Hội đồng quản trị		

⁽¹⁾ Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được bầu bởi cổ đông của Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Năm 2019, Hội đồng Quản trị có 5 thành viên.

Hội đồng Quản trị có thể họp thường kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp thường kỳ được tổ chức mỗi Quý một lần.

Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2019.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

Đánh giá về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có nhiệm vụ thực thi chiến lược của Công ty và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Điều hành của Công ty.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- ♦ Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- ♦ Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- ♦ Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- ♦ Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con

BAN KIỂM SOÁT

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Quỳnh Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	-	-
Đỗ Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	-	-

Hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Ban Kiểm soát của Công ty có từ 3 đến 5 thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Năm 2019, Ban Kiểm soát có 3 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Năm 2019, Ban Kiểm soát hoạt động không có thù lao.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2019.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- ♦ Đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- ♦ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- ♦ Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty.
- ♦ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- ♦ Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;

Ban Kiểm soát giám sát và đảm bảo các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban Kiểm soát tham gia vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và cổ đông của Công ty.

Tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập; Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.

- ♦ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Thẩm định các Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông;

- ♦ Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã họp hai lần để thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần tại ngày 31/12/2019: 722.924.604 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019: 704.924.604 cổ phần

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2019: 18.000.000 cổ phần

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Cơ cấu cổ đông trong nước: 98,65%⁽¹⁾

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Cơ cấu cổ đông nước ngoài: 1,35%⁽¹⁾

Không có cổ đông lớn nước ngoài

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽²⁾
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	Đầu tư	669.629.445	94,99%

⁽¹⁾ Dựa trên danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 23/03/2020 và tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019.

⁽²⁾ Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Masan Consumer chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo và Masan Consumer không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CDN	: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN
Cholimex	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
CP	: Cổ phần
ESOP	: Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HORECA	: Điểm bán hàng tại khách sạn, nhà hàng và căn tin
HR	: Bộ phận nhân sự
In-land ASEAN	: Bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và Lào
IT	: Công nghệ thông tin
Key account hay KA	: Khách hàng lớn
M&A	: Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Marketing	: Tiếp thị
Masan hay Công ty	: Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Masan Consumer hay MSC	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Consumer Holdings	: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
MNC	: Công ty đa quốc gia
MTV	: Một thành viên
NETCO	: Công ty Cổ phần Bột giặt Net
Nước khoáng Quảng Ninh	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
R&D	: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
Saigon Nutri Food hay SNF	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn
Singha	: Singha Asia One Holding Pte Ltd.
SG&A	: Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
CAGR	: Tăng trưởng kép
Tập đoàn hay Công ty	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

TGD	: Tổng Giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
USD	: Đô la Mỹ
Vinacafé Biên Hòa	: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinacafé	: Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vĩnh Hảo	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Masan Jinju	: Liên doanh giữa Công ty SNF và Công ty Jinju Ham (Hàn Quốc)
VAS	: Tiêu chuẩn kế toán Việt Nam
VCM	: Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM
LĐTBXH	: Lao động Thương binh Xã hội
VNĐ	: Đồng Việt Nam
HPC	: Hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tên tiếng Anh	MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	MSC hoặc MASAN CONSUMER CORP.
Trụ sở chính	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM
Điện thoại	+84 902 662 660
Fax	+84 28 3810 9463
Website	www.masanconsumer.com
Mã số thuế	0302017440
Vốn điều lệ	7.229.246.040.000 VND (Bảy ngàn hai trăm hai mươi chín tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

📍 Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ +84 902 662 660

📠 +84 28 3810 9463

🌐 www.masanconsumer.com